**Bài 6. NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẨU**

(Văn bản nghị luận - 13 tiết)

Tiết theo PPCT: 73,74:

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH**

**(Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB (văn bản).

- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong VB.

- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua hoạt động thảo luận nhóm.

**2. Phẩm chất**

- Có trách nhiệm, quan tâm đến những vấn đề xã hội và có cách ứng xử phù hợp.

- GDANQP: Hậu quả của cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK (sách giáo khoa), SGV (sách giáo viên).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

- Các mẫu PHT (phiếu học tập) để HS thực hiện; trang web học tập của lớp và các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:*** Nhận ra chủ điểm và bước đầu trả lời câu hỏi lớn của bài học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học

**c*. Sản phẩm***:

- Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Cá nhân HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Những bức tranh dưới đây gợi ra vấn đề gì trong xã hội?  (2) HS trả lời theo hình thức cá nhân câu hỏi lớn của bài học: Vì sao chúng ta cần quan tâm đến những vấn đề toàn cầu?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo trình tự (1) -> (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Nhiệm vụ (1): HS nêu các vấn đề xã hội được gợi ra từ các bức tranh và lí giải.  - Nhiệm vụ (2): HS trả lời ngắn gọn câu hỏi lớn của bài học.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học. | - Ô nhiễm môi trường  - Băng tan  - Lạm dụng công nghệ thông tin  - Đại dịch Covid-19  🡪 Hs đưa ra lí giải về việc cần phải quan tâm đến vấn đề toàn cầu (liên quan trực tiếp tới bản thân, thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng,...) |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận biết nhiệm vụ học tập.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc tên chủ điểm, khung *Yêu cầu cần đạt,* đọc lướt các VB trong chủ điểm và trả lời câu hỏi:  - Chúng ta sẽ học được điều gì khi đọc VB 1, VB 2 và VB *Đọc mở rộng theo thể loại?*  - VB *Đọc kết nối chủ điểm* có mối quan hệ như thế nào với ba VB còn lại? Chúng ta đọc VB *Đọc kết nối chủ điểm* để làm gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 đến 3 HS trả lời. Các HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận. | - Thông qua việc đọc VB 1 *(Đấu tranh cho một thế giới hoà bình),* VB 2 (*Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu),* VB *Đọc mở rộng theo thể loại (Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu),* chúng ta sẽ học kĩ năng đọc VB nghị luận.  - Thông qua việc đọc VB *Đọc kết nối chủ điểm (Những điều cần biết để an toàn trong không gian mạng (dành cho trẻ em và người sắp thành niên)),* trong mối liên hệ với ba VB còn lại, chúng ta sẽ hiểu thêm về chủ điểm *Những vấn đề toàn cầu;* đồng thời có cái nhìn sâu sắc hơn để trả lời câu hỏi lớn ở đầu bài học. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn* (phần tri thức đọc hiểu)**

**1.1. Ý tưởng, thông điệp của văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết khái niệm ý tưởng, thông điệp của VB.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về tri thức đọc hiểu.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS, phần ghi chú và nêu câu hỏi của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo **PHT số 1** để tìm hiểu về thông điệp của văn bản.  - Cá nhân HS theo dõi GV phân tích ví dụ ở hai **sơ đồ 1** và **sơ đồ 2**, ghi chú nội dung quan trọng và nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về vấn đề.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 3 - 4 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện theo từng nhiệm vụ. Các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm học tập của HS. | **I. Tri thức Ngữ văn**  **1. Ý tưởng và thông điệp**  **a. Khái niệm**  - Ý tưởng là những suy nghĩ, dự định, mục tiêu của người viết.  - Ý tưởng thường nảy sinh qua quá trình người viết trải nghiệm, quan sát, khám phá, trăn trở trước cuộc sống, từ đó thôi thúc ý định viết.  - Thông điệp là những ý tưởng quan trọng (bài học, tư tưởng, cách ứng xử,...) được gửi gắm trong văn bản.  **b. Quá trình phát triển ý tưởng thành thông điệp.**  - Sơ đồ dưới phần Phụ lục. |
| **PHT SỐ 1: TÌM HIỂU VỀ Ý TƯỞNG, THÔNG ĐIỆP CỦA VB**  Ý tưởng của VB là …………………….……………………………………….  Ý tưởng của VB thường được nảy sinh qua ………………………………...…  Thông điệp của VB là ..……………………………………………….….…….  **SƠ ĐỒ 1:**  **QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TỪ Ý TƯỞNG THÀNH THÔNG ĐIỆP**  Hình thành ý tưởng (suy nghĩ, dự định, mục tiêu)  Ý tưởng phát triển thành thông điệp (bài học, tư tưởng,…) trong VB  Tiếp nhận, hiểu thông điệp, nâng cao nhận thức và cách ứng xử  Tác giả  Văn bản  Người đọc  **SƠ ĐỒ 2: VÍ DỤ VỀ Ý TƯỞNG VÀ THÔNG ĐIỆP TRONG VB “BỨC THƯ CỦA THỦ LĨNH DA ĐỎ”**  **Ý TƯỞNG CỦA**  **TÁC GIẢ:**  Mối quan hệ giữa  người da đỏ với  thiên nhiên  **THÔNG ĐIỆP**  **TRONG VB:**  Bài học về thái độ  sống tôn trọng và  hài hoà với tự nhiên  **TÁC ĐỘNG ĐẾN**  **NGƯỜI ĐỌC:**  Nâng cao nhận thức và  có hành xử phù hợp  với tự nhiên | |

**1.2 Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội và vai trò của bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu VB.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức Ngữ văn để tìm hiểu về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội và vai trò của bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS đọc mục *Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu VB ở* SGK và hoàn thành **PHT số 2**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi với bạn  \* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm HS trình bày câu trả lời; các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về sơ đồ. | **2. Bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội trong việc đọc hiểu.**  - Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội là hoàn cảnh, điều kiện lịch sử, văn hoá, xã hội tại thời điểm văn bản ra đời giúp cho việc đọc hiểu văn bản được sâu sắc hơn; là bối cảnh tại thời điểm người đọc đọc văn bản, tác động đến cách hiểu, cách suy nghĩ, cảm xúc của người đọc.  - Khi đọc văn bản, việc liên hệ với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội giúp người đọc hiểu thêm về mục đích viết và nội dung (bao gồm ý tưởng và thông điệp) của văn bản. |
| **PHT số 2**  BÀI 6: NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẦU  **Gợi ý PHT số 2**  **Bối cảnh,**  **lịch sử,**  **văn hoá, xã hội**  **là:**  Hoàn cảnh,  điều kiện  lịch sử,  văn hoá, xã hội  liên quan đến  VB  **Loại 1:**  Bối cảnh lịch sử,  văn hoá, xã hội tại  thời điểm VB ra đời  **Loại 2:**  Bối cảnh lịch sử,  văn hoá, xã hội tại  thời điểm đọc VB  **Tác dụng trong việc đọc hiểu VB:** Hiểu thêm về mục đích viết và nội dung của VB, tác động đến cách hiểu, cách suy nghĩ, cảm xúc của người đọc  ***.*** | |

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: Đấu tranh cho một thế giới hoà bình**

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi ở mục Chuẩn bị đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi *Chuẩn bị đọc*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  - Cách 1: Em hãy tìm hiểu về hiểm hoạ vũ khí hạt nhân và chia sẻ với các bạn trong lớp  - Cách 2: Em hãy cho biết đất nước nào đã phải hứng chịu những quả bom nguyên tử đầu tiên trên thế giới. Vì sao hằng năm ở đất nước đó, người ta vẫn tổ chức tưởng niệm ngày bị ném bom nguyên tử?  - Cách 3: Hs xem video và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân  <https://www.facebook.com/vov1.vn/videos/th%E1%BA%A3m-h%E1%BB%8Da-bom-nguy%C3%AAn-t%E1%BB%AD-hiroshima-nagasaki-v%C3%A0-th%C3%B4ng-%C4%91i%E1%BB%87p-h%C3%B2a-b%C3%ACnh-c%E1%BB%A7a-nh%E1%BA%ADt-b%E1%BA%A3n/26584708614453607/>  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của Hs.  \* Cho HS xem video về cuộc chiến tranh Việt Nam, học sinh xem và trình bày cảm xúc về hậu quả của nó.  \* GV kết luận | Gợi ý  **Cách 1:**  - Nhắc đến vũ khí hạt nhân là con người ta nghĩ ngay đến sự hủy diệt, một sự tàn khốc khi mà con người dùng chính thành phẩm của mình để hủy diệt đồng loại.  - Trên thế giới đã diễn ra duy nhất một lần khi Mỹ sử dụng vũ khí hạt nhân: Mỹ đã thả hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản vào thời điểm kết thúc của chiến tranh thế giới thứ hai.  - Sự tàn phá nghiêm trọng của chiến tranh hạt nhân mà từ đó trở đi không một nước nào trên thế giới tái diễn cuộc chiến ấy một lần nữa. Tuy nhiên ngày nay cuộc chiến tranh hạt nhân vẫn được âm thầm chuẩn bị trên nhiều nơi.  **Cách 2**  - Đất nước đã phải hứng chịu những quả bom nguyên tử đầu tiên trên thế giới: Nhật Bản.  - Lý do tổ chức tưởng niệm hàng năm:  + Tưởng nhớ các nạn nhân, bày tỏ lòng thành kính đối với những người vô tội đã thiệt mạng trong thảm họa bom nguyên tử.  + Kêu gọi hòa bình, lời kêu gọi toàn thế giới chung tay loại bỏ vũ khí hạt nhân, hướng đến một tương lai hòa bình và an toàn cho tất cả mọi người.  **Cách 3**  Hs xem video và chia sẻ cảm xúc. |

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-*HS đọc thầm VB, tự ghi chép và trả lời câu hỏi trong SGK theo **PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | Theo dõi: Xác định bằng chứng khách quan trong đoạn: “Năm 1981 … vượt đại châu”. |  | | Suy luận: Những số liệu về thời gian trong đoạn “Không chỉ đi ngược…điểm xuất phát của nó” gợi ý nghĩa gì? |  | | Suy luận: Giải pháp được đề xuất trong đoạn văn này hướng đến những đối tượng nào? |  |   - Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 4.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB, ghi chép ý chính, từ khoá, ý tưởng và tìm câu trả lời cho câu hỏi Theo dõi, Suy luận trong SGK.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày kết quả trả lời hai câu hỏi Theo dõi, Suy luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung. | **2.2.1 Đọc**  - Cách đọc: Khi đọc, HS cần phân biệt giọng đọc ở các đoạn có màu sắc biểu cảm khác nhau (khi đưa thông tin khách quan, khi bình luận sắc bén, khi thì thể hiện thái độ bất bình rõ ràng…).  - Thẻ chiến lược đọc:   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | Theo dõi: Xác định bằng chứng khách quan trong đoạn: “Năm 1981 … vượt đại châu”. | Một số bằng chứng khách quan trong đoạn: Việc UNICEF đề ra chương trình giải quyết vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới vào năm 1981 nhưng không thực hiện được; số liệu cho thấy 100 tỉ đô la chỉ gần bằng chi phí bỏ ra cho 100 máy ném bom chiến lược B.1B và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu. | | Suy luận: Những số liệu về thời gian trong đoạn “Không chỉ đi ngược…điểm xuất phát của nó” gợi ý nghĩa gì? | Các số liệu về thời gian cho thấy phải tốn rất nhiều thời gian để sự sống trên Trái Đất hình thành và con người có trí tuệ, hiểu biết, cảm xúc. Vì thế, sự sống trên Trái Đất là vô cùng quý giá và không thể chấp nhận việc sản xuất vũ khí huỷ diệt sự sống. | | Suy luận: Giải pháp được đề xuất trong đoạn văn này hướng đến những đối tượng nào? | hướng đến nguyên thủ các nước tham gia cuộc họp tại Mê-hi-cô; nhân dân thế giới; nguyên thủ các nước có chạy đua vũ trang. |   **2.2.2.** **Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két (1928 – 2014) là nhà văn nổi tiếng người Cô-lôm-bi-a (Colombia).  - Ông là tác giả của một số tiểu thuyết như Trăm năm cô đơn (1967), Tướng quân giữa mê hồn trận (1989).... Ngoài ra, ông còn viết một số bài luận đề cập đến những vấn đề thời sự của thế giới.  - Năm 1982, Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két đã được trao giải Nô-ben (Nobel) Văn học nhờ những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực văn học, đặc biệt là các tiểu thuyết và truyện ngắn có sự kết hợp giữa hiện thực và huyền ảo nhằm phản ánh những vấn đề của cuộc sống ở vùng Mỹ La-tinh.  **b. Văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”**  - Văn bản trích tham luận do Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két, với tư cách là khách mời, đọc tại một hội nghị quốc tế họp tại Mê-hi-cô (Mexico) tháng 8 năm 1986 – thời điểm cuộc chạy đua vũ trang giữa Liên Xô và Mỹ đã lên đến đỉnh điểm. Đây là hội nghị lần thứ hai chống chạy đua vũ trang, đòi thủ tiêu vũ khí hạt nhân, do nguyên thủ sáu nước: Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thuỵ Điển, Ác-hen-ti-na (Argentina), Hy Lạp, Tan-da-ni-a (Tanzania) tổ chức. |

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.3.1. Tìm hiểu mối quan hệ luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 1,2,3 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** PHT số 5, PHT số 6

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Luận đề của văn bản trên là gì?  - Hs hoàn thiện **PHT số 5** theo hình thức nhóm đôi để tìm hiểu về bố cục và luận điểm.   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Luận điểm** | | Phần 1 ( từ...đến...) |  | | Phần 2 ( từ...đến...) |  | | Phần 3 ( từ...đến...) |  | | Phần 4 ( từ...đến...) |  |   - Hs thảo luận nhóm đôi hoàn thiện **PHT số 6** để vẽ sơ đồ mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **2.3.1. Tìm hiểu mối quan hệ luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**  ***\**** Luận đề của VB là vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu.  \* Bố cục, luận điểm.   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Luận điểm** | | Phần 1 (từ đầu đến *vận mệnh thế giới*) | Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong bối cảnh thế giới hiện đại | | Phần 2 (*Niềm an ủi … xoá nạn mù chữ cho*  *toàn thế giới*) | Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn | | Phần 3 (*Một nhà tiểu thuyết lớn … xuất phát của nó*) | Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí con người và lí trí tự nhiên | | Phần 4 (phần còn lại) | Lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang |   \* Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng: **PHT số 6 .**  **-** Luận đề: vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu.  - Luận điểm 1: Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong bối cảnh thế giới hiện đại  + Lí lẽ: Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ có khả năng huỷ diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời.  + Bằng chứng  ++ “50.000 đầu đạn hạt nhân..., mỗi người ngồi trên 4 tấn thuốc nổ”.  ++ “Tất cả chỗ đó nổ tung sẽ làm biến hết thảy, không phải là một lần mà là mười hai lần mọi dấu vết của sự sống trên trái đất”.  ++ “Kho vũ khí ấy có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh xoay quanh mặt trời, cộng thêm bốn hành tinh nữa và phá hủy thế thăng bằng của hệ mặt trời”.  - Luận điểm 2: Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn  + Lí lẽ: Bảo tồn sự sống trên trái đất ít tốn kém so với “dịch hạch” hạt nhân  + Bằng chứng: So sánh các nguồn kinh phí các hoạt động trong lĩnh vực cứu trẻ em, y tế, tiếp thể thực phẩm, giáo dục, ... với kinh phí của việc chạy đua vũ trang  - Luận điểm 3: Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí con người và lí trí tự nhiên  + Lí lẽ: Trái Đất là nơi nơi duy nhất có sự sống và trải qua thời gian dài để hình thành, tuy nhiên vũ khí hạt nhân sẽ hủy hoại quá trình này  + Bằng chứng: Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên Trái Đất, đã phải trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, chỉ để làm đẹp mà thôi. Cũng phải trải qua bốn kỉ địa chất, con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu...  - Luận điểm 4: Lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang  + Lí lẽ: Tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh vì một thế giới hoà bình.  + Bằng chứng: Đề nghị lập ra nhà băng lưu trữ trí nhớ để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại tại đây... |

**2.3.2. Tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong VB.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 4,5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** PHT số 7 vàcâu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện: f-151***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Em có nhận xét gì về cách tác giả triển khai bằng chứng trong phần 2 của văn bản? Cách triển khai như vậy mang lại hiệu quả gì?  - Hs thảo luận nhóm 4-6 em hoàn thiện PHT số 7 để tìm hiểu về mục đích của những đề xuất giải pháp trong luận điểm 5.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định, mở rộng:*  Ở thời điểm VB ra đời, việc “mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm hoạ hạt nhân” không khả thi so với điều kiện thực tế. Cho nên, đề xuất này của tác giả thực ra có tính chất tượng trưng, nhằm thức tỉnh nhận thức, tình cảm, lương tri của người đọc/ người nghe, qua đó, kêu gọi việc chấm dứt chạy đua vũ trang như một nghĩa vụ, bổn phận đạo đức đối với sự sống của nhân loại. Với một vấn đề vĩ mô, có tính chất toàn cầu như chạy đua vũ trang, không đơn giản để có giải pháp cụ thể, triệt để để giải quyết, vì vậy, cách đề xuất giải pháp của Mác-két vừa phù hợp, có tính chất thức tỉnh nhân loại, vừa mang đến giá trị nghệ thuật đặc sắc cho VB. | **2.3.2. Tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản**  **\* Tìm hiểu về cách triển khai bằng chứng trong luận điểm 2**  **-** Những bằng chứng trong phần 2 của VB được trình bày dưới dạng so sánh, để cho thấy số tiền chạy đua vũ trang đã cướp đi cơ hội phát triển, xây dựng cuộc sống ấm no cho nhân loại như thế nào. Cụ thể:  + Số tiền bỏ ra cho 100 máy ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và cho dưới 7 000 tên lửa vượt đại châu (khoảng 100 tỉ đô la) là số tiền cần để UNICEF thực hiện chương trình giải quyết vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất trên thế giới.  + Giá của 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em, riêng cho châu Phi mà thôi.  + Chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong bốn năm tới.  + Chỉ hai chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới.  - Ngoài ra, tác giả đã triển khai các bằng chứng một cách đa dạng trên nhiều lĩnh vực: Cứu trợ trẻ em, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục. Cách triển khai này cho thấy tác giả đã nhìn nhận, xem xét vấn đề một cách toàn diện.  🡪Cách triển khai bằng chứng một cách hiệu quả, thuyết phục góp phần làm sáng tỏ luận điểm và luận đề của VB.  **\* Tìm hiểu mục đích của những đề xuất giải pháp trong luận điểm 5:** PHT số 7. |
| **PHT số 7**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đối tượng hướng đến** | **Mục đích đối với từng đối tượng** | **Mục đích chung** | |  |  |  | |  |  | |  |  |   **Gợi ý PHT số 7**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đối tượng hướng đến** | **Mục đích đối với từng đối tượng** | **Mục đích chung** | | Nguyên thủ sáu nước tham gia cuộc họp | Khẳng định thiện chí kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ khí hạt nhân để đảm bảo an ninh và hoà bình cho thế giới. | Thuyết phục từ bỏ cuộc chạy đua vũ trang để đảm bảo một cuộc sống hoà bình, công bằng. | | Nhân dân thế giới | Nâng cao nhận thức về hiểm hoạ hạt nhân để từ đó khích lệ, kêu gọi tiếng nói đấu tranh chống chạy đua vũ trang, đòi hỏi cuộc sống hoà bình, công bằng. | | Các nước đang tham gia chạy đua vũ trang trên thế giới. | Cảnh báo các nguy cơ về hiểm hoạ hạt nhân và kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang. |   **.** | |

**2.4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Một số lưu ý khi đọc văn bản nghị luận

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  - Em hãy rút ra lưu ý về cách đọc văn bản nghị luận.  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận.*  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét về sơ đồ của các nhóm và lưu ý cách đọc truyện truyền kì. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  **- Nội dung:** Tác phẩm đề cập đến nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất và nhiệm vụ của con người đó chính là phải ngăn chặn nguy cơ đó, là đáu tranh cho một thế giới hòa bình.  **- Nghệ thuật:** Đây là một văn bản nghị luận rất giàu tính thuyết phục; tất cả các luận điểm và hệ thông luận cứ vô cùng rõ ràng , các chứng cứ đưa ra xác đáng, cụ thể; lập luận chặt chẽ giàu thuyết phục.  **2. Một số lưu ý khi đọc văn bản** **nghị luận**  - Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB  + Trong VB nghị luận, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu là những lí lẽ, bằng chứng có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ luận điểm và luận đề, thường gây ấn tượng mạnh với người đọc; cũng có thể thể hiện dụng ý đặc biệt của người viết nhằm tăng sức thuyết phục cho VB.  + Để xác định lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, có thể căn cứ vào: Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; cảm nhận của người đọc về những lí lẽ, bằng chứng ấn tượng; mục đích, dụng ý của tác giả.  + Để hiểu được giá trị của các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, ta cần phân tích để nhận ra vai trò của những lí lẽ, bằng chứng ấy trong việc làm sáng tỏ luận đề của VB (đặt trong tính chỉnh thể của VB).  - Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Cánh chim hòa bình”.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Cánh chim hòa bình”.  Câu 1: Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình?  A. Tự sự  **B. Nghị luận**  C. Thuyết minh  D. Miêu tả  Câu 2: Để chứng minh cho sự tốn kém vô lí của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, tác giả nêu số liệu so sánh "Giá của 10 chiếc tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân kiểu tàu Ni-mít" tương đương với:  **A. chi phí phòng bệnh sốt rét cho hơn 1 tỉ người và cứu hơn 14 triệu trẻ em châu Phi**  B. chi phí chế tạo 100 máy bay ném bom.  C. chi phí dinh dưỡng cho 575 triệu người.  D. chi phí chế tạo 27 tên lửa MX.  Câu 3: Nội dung chính của văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình:  A. Nói về nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa tới sự sống của nhân loại  B. Sự tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang cướp đi sự phát triển của nhân loại  C. Biện pháp ngăn chặn, xóa bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân  **D. Tất cả các đáp án trên.**  Câu 4:  Hình ảnh thanh gươm Đa-mô-clét trong văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình, có ý nghĩa gì?  A. Chỉ hành động đe dọa người khác bằng vũ khí nguy hiểm.  B. Chỉ một thanh gươm cực kì quý báu.  **C. Chỉ mối nguy cơ đe dọa trực tiếp, cực kì nguy hiểm.**  D. Chỉ một nguy cơ tiềm ẩn, có thể sẽ xuất hiện trong tương lai.  Câu 5: Chi tiết nào  không đúng khi nói về chiến tranh hạt nhân phi lí và tốn kém  A. Dẫn ví dụ về y tế  B. Dẫn ví dụ về tiếp tế thực phẩm  C. Dẫn ví dụ về giáo dục  **D. Dẫn ví dụ về văn hóa.**  Câu 6: Tại sao văn bản lại được đặt tên “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?  A. Vì chủ đích của người viết  B. Không phải chỉ là mối đe dọa hạt nhân, mà muốn nhấn mạnh vào nhiệm vụ đấu tranh.  **C. Nhan đề thể hiện luận điểm cơ bản của bài văn, đồng thời như một khẩu hiệu, kêu gọi.**  D. Cả 3 phương án trên  Câu 7: Nội dung nào không được đặt ra trong văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình?  A. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất  B. Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại để ngăn chặn nguy cơ đó  **C. Cần kích thích khoa học kĩ thuật phát triển nhưng không phải bằng con đường chạy đua vũ trang**  D. Cần chạy đua vũ trang để chống lại chiến tranh hạt nhân  Câu 8: Các lĩnh vực như ý tế, thực phẩm, giáo dục… được tác giả đưa ra trong bài viết nhằm mục đích gì?  **A. Làm nổi bật sự tốn kém, tính phi lí của cuộc chạy đua vũ trang.**  B. Làm cho mọi người thấy chi cho những lĩnh vực này tốn kém  C. Làm cho mọi người thấy đây là những vấn đề mà các nước nghèo không thể cải thiện được  D. Thể hiện sự hiểu biết về các vấn đề thời sự nóng hổi  Câu 9: Đặc sắc nhất về nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn văn nói về các lĩnh vực y tế, thực phẩm, giáo dục… là gì?  A. Lập luận giải thích  B. Lập luận chứng minh  **C. Kết hợp giải thích và chứng minh**  D. Không có các thao tác trên  Câu 10: Ý nào không phải là lí do mà tác giả đề nghị mở một nhà băng lưu giữ trí nhớ”?  A. Để nhân loại biết rằng sự sống tồn tại trên tất cả đau khổ và hạnh phúc  B. Để nhân loại tương lai biết rõ những thủ phạm gây ra những nối lo sợ, khổ đau cho con người  **C. Để nhân loại tương lai lo sợ trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân.**  D. Để nhân loại tương lai biết rằng những phát minh dã man nào xóa bỏ cuộc sống khỏi vũ trụ này.  Câu 11: Đặc sắc về mặt nghệ thuật nào giúp tăng thêm sức thuyết phục cho bài viết là:  A. luận điểm và hệ thông luận cứ vô cùng rõ ràng, các chứng cứ đưa ra xác đáng, cụ thể;  B. Giọng văn truyền cảm  C. Lập luận chặt chẽ giàu thuyết phục.  **D. Tất cả đều đúng.**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs thực hiện yêu cầu ở câu hỏi số 6, SGK

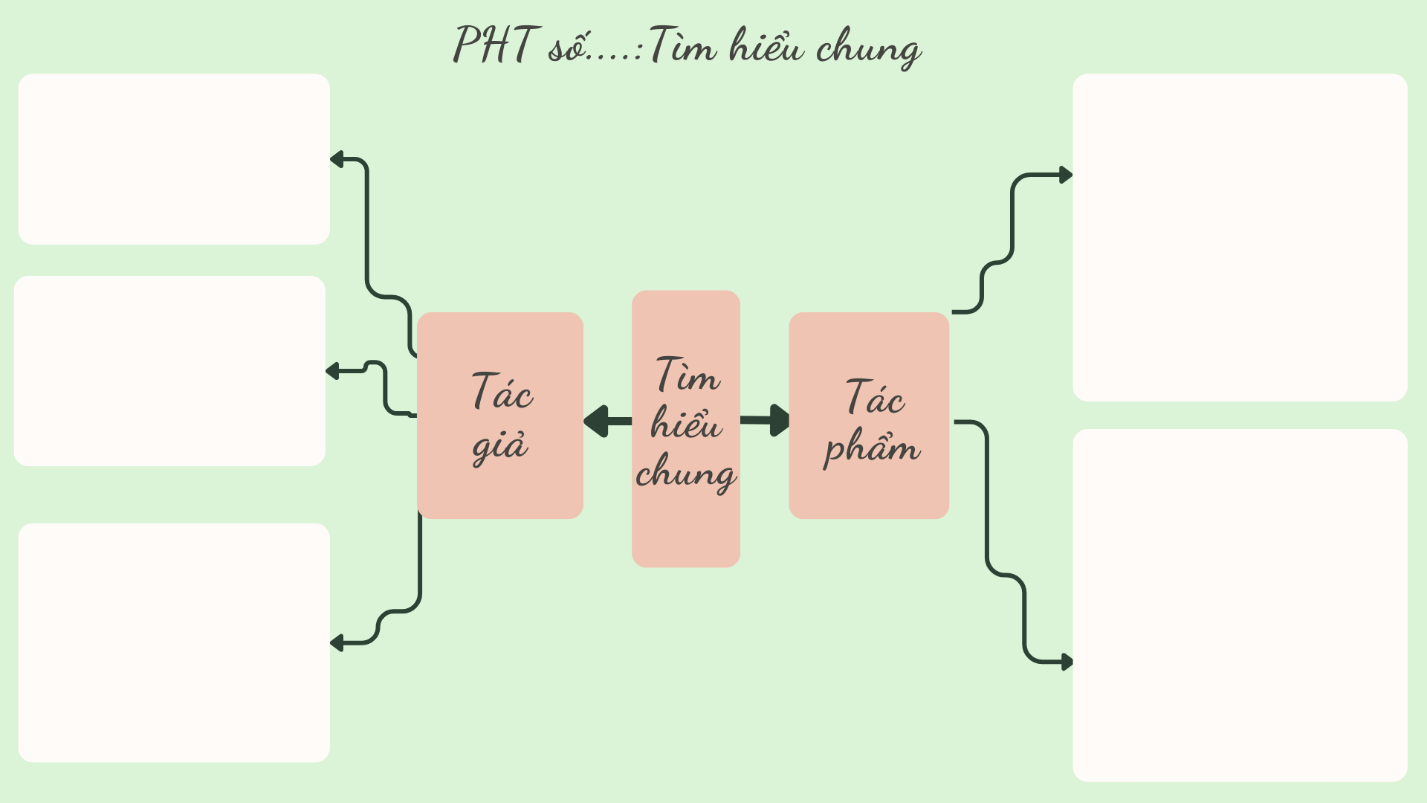
***c. Sản phẩm:*** Sản phẩm của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

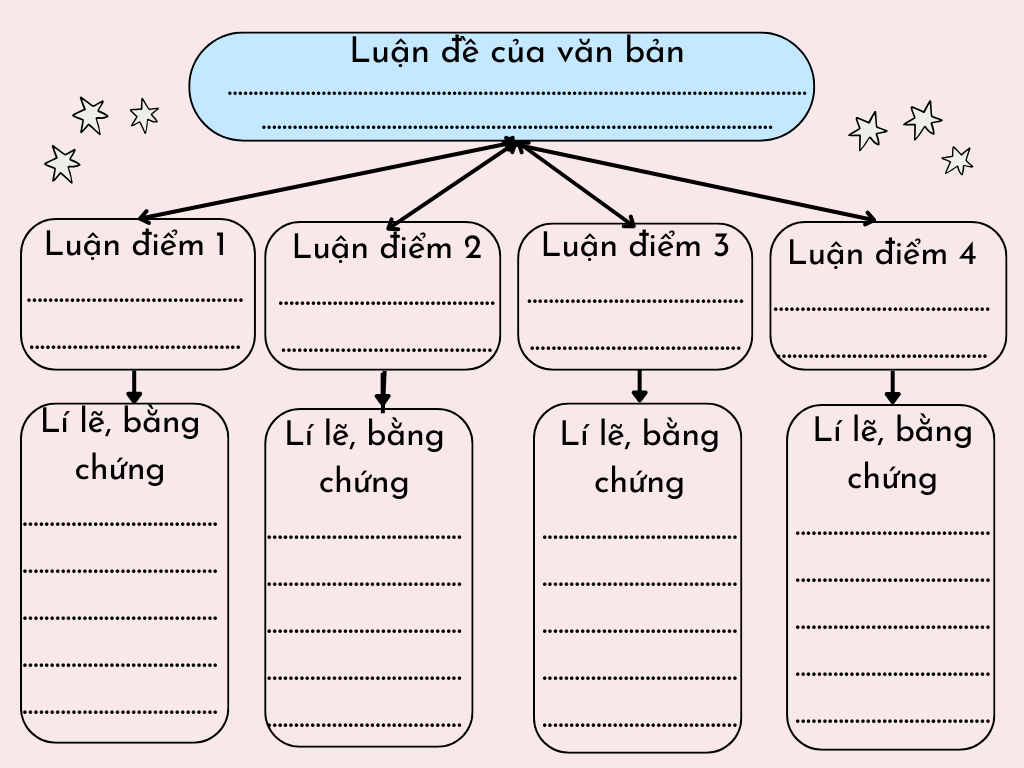
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Năng lượng hạt nhân khi không dùng để sản xuất vũ khí hủy diệt có thể trở thành nguồn năng lượng có ích cho nhân loại. Tìm hiểu những lợi ích của năng lượng hạt nhân và thiết kế sản phẩm sáng tạo để giới thiệu thông tin này trên góc truyền thông của lớp.  *Gợi ý:* Đầu tiên, HS cần phác thảo ý tưởng thực hiện sản phẩm (tranh vẽ, infographic, cách thực hiện,...), sau đó, hoàn thiện tại nhà và công bố sản phẩm trên góc truyền thông của lớp.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS cùng thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện các nhóm treo sản phẩm học tập, cả lớp thảo luận.  *\* Kết luận, nhận định:* | Gợi ý:  - Năng lượng hạt nhân có thể được sử dụng để:  + Trong lĩnh vực y tế, năng lượng hạt nhân được sử dụng trong y học hạt nhân, điện quang và xạ trị.  + Trong lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng hạt nhân được sử dụng để tạo chế phẩm phân giải rơm rạ và chiếu xạ trong sản xuất maltodextrin kháng tiêu hóa từ tinh bột. Ngoài ra, công nghệ bức xạ gây đột biến cũng được áp dụng để tạo giống cây trồng cho năng suất cao.  + Trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng hạt nhân có thể được sử dụng để thiết kế và chế tạo các thiết bị như robot FMI khảo sát ngập lụt chân đế giàn khoan. Công nghệ này mang lại nhiều lợi ích như tính chịu áp lực cao, không ngấm nước và kết nối hệ thống phát quang.  - Sản phẩm giới thiệu thông tin: Hs tự thiết kế, cần:  + Có cách thể hiện sáng tạo, đẹp mắt, khoa học  + Thể hiện được những lợi ích của năng lượng hạt nhân. |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 4**

****

**PHT số 6**

****

**Bài 6. NHỮNG VẤN ĐỀ TOÀN CẨU**

(Văn bản nghị luận - 13 tiết)

Tiết theo PPCT: 75,76:

VĂN BẢN 2

**BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG THƯ KÍ LIÊN HỢP QUỐC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**(An-tô-ni-ô Gu-tê-rét)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB (văn bản).

- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong VB.

- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua hoạt động thảo luận nhóm.

**2. Phẩm chất**

Có trách nhiệm, quan tâm đến những vấn đề xã hội và có cách ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, tivi, bảng, phấn.

- SGK (sách giáo khoa), SGV (sách giáo viên).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.

- Các mẫu PHT (phiếu học tập) để HS thực hiện; trang web học tập của lớp và các tiêu chí đánh giá sản phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi phần chuẩn bị đọc.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* Giao nhiệm vụ học tập:  - Cách 1: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi Think – Pair – Share: Em hãy xem video sau đây và cho biết video nói về hiện tượng nào đang diễn ra trên trái đất? Nêu cảm nhận của em sau khi xem video?  https://www.youtube.com/watch?v=Acpr6Yc3Edk (0:00 – 2:22)  - Cách 2: Tìm hiểu về hậu quả của biến đổi khí hậu.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện trước lớp. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản *Bài phát biểu của Tổng thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu* để nhận thức lại về vấn đề cấp thiết này và nâng cao được ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sự sống trên trái đất. | Gợi mở:  - Cách 1: GV chiếu một số hình ảnh về biến đổi khí hậu:  TIẾT: VĂN BẢN 2: BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG THƯ KÍ LIÊN HỢP QUỐC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬUTIẾT: VĂN BẢN 2: BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG THƯ KÍ LIÊN HỢP QUỐC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬUTIẾT: VĂN BẢN 2: BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG THƯ KÍ LIÊN HỢP QUỐC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  🡪 Biến đổi khí hậu mà biểu hiện chính là sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng đã tạo nên các hiện tượng thời tiết cực đoan hiện nay. Đây là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ XXI vì biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái, tài nguyên môi trường và cuộc sống của con người.  Cách 2  - Môi trường:  + Băng tan, mực nước biển dâng cao: Gây nguy hiểm cho các khu vực ven biển, đảo thấp, làm gia tăng xâm nhập mặn và ảnh hưởng đến hệ sinh thái ven biển.  + Thiên tai: Bão, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất ngày càng gia tăng về cường độ và tần suất, gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản.  + Hệ sinh thái: Đa dạng sinh học suy giảm, nhiều loài động thực vật bị đe dọa tuyệt chủng.   - Kinh tế:  + Nông nghiệp: Sản xuất lương thực bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, gây mất an ninh lương thực.  + Du lịch: Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, thu hút ít khách du lịch hơn.  + Y tế: Chi phí y tế tăng cao do các bệnh do biến đổi khí hậu gây ra.  - Xã hội:  + Di cư: Người dân buộc phải di dời do thiên tai, mất nhà cửa, sinh kế.  + Xung đột: Cạnh tranh tài nguyên thiên nhiên gia tăng, dẫn đến xung đột giữa các quốc gia và cộng đồng.  + Sức khỏe: Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sức khỏe con người, gia tăng các bệnh truyền nhiễm, hô hấp, tim mạch. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

-Vận dụng kĩ năng đọc đã học ở lớp trước như *Theo dõi, Đọc quét* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

-Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Trải nghiệm cùng VB.*

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs đọc phù hợp với tốc độ đọc và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi, kĩ năng đọc trong SGK.  1. Suy luận: Mục đích của đoạn văn này là gì?  2. Theo dõi: Theo tác giả, biến đổi khí hậu đã gây nên những hậu quả gì?  3. Suy luận: Các giải pháp được nêu ra trong đoạn văn này chủ yếu hướng đến đối tượng nào?  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện lần lượt hai nhiệm vụ học tập  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt, bổ sung ý kiến cho HS. | **1. Đọc**  - HS đọc phù hợp với tốc độ đọc  - Câu hỏi trong hộp chỉ dẫn  **Gợi ý:**  **Câu 1** *(Suy luận):* Mục đích của đoạn này là nêu lí do vì sao nhân loại cần hành động khẩn cấp để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu (vì biến đổi khí hậu là vấn đề có tính chất hạn định và chúng ta đang ở thời điểm có tính hạn định, đây là vấn đề đe doạ trực tiếp đến sự tồn vong của nhân loại,...).  **Câu 2** *(Theo dõi):* Theo tác giả, biến đổi khí hậu đã gây nên những hậu quả như: Băng ở vùng biển Bắc Cực đang biến mất, sự nóng lên đột ngột ở Bắc Cực đang làm biến đổi khí hậu ở Bắc bán cầu, nạn cháy rừng kéo dài và lan xa hơn,...  **Câu 3** (*Suy luận):* Các giải pháp được nêu ra trong đoạn văn này hướng đến các quốc gia giàu có vì đó là những quốc gia chịu trách nhiệm nhiều nhất về khủng hoảng khí hậu toàn cầu.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - An-tô-ni-ô Gu-tê-rét sinh năm 1949, là nhà chính trị và ngoại giao người Bồ Đào Nha, từng giữ chức Thủ tướng Bồ Đào Nha từ năm 1995 đến năm 2002.  - Năm 2017, ông được bầu làm Tổng thư kí Liên hợp quốc.  **b. Tác phẩm**  - Văn bản này là bài phát biểu của An-tô-ni-ô Gu-tê-rét cuộc họp Đại hội đồng Liên hợp quốc (ở Niu Oóc, Hoa Kỳ) năm 2018.  - Bài phát biểu gióng lên hồi chuông báo động chính phủ các quốc gia vì họ đã làm ngơ quá lâu trước những lời kêu gọi khẩn thiết của các nhà khoa học về tình trạng khi thải nhà kính tăng vọt, đẩy hành tinh của chúng ta tới bờ vực thẳm. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.1. Tìm hiểu mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 1 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 1, 2, 3 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  Nhóm (4 - 6 HS/ nhóm) thực hiện các nhiệm vụ sau:  - Hoàn thành PHT số 2 để xác định luận đề, bố cục và luận điểm.  **-** Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB. (Có thể thực hiện theo PHT số 3).  - Nhận xét về cách người viết trình bày những bằng chứng trong phần 2 của VB. (*Gợi ý:* Đầu tiên, liệt kê một số bằng chứng được tác giả nêu ra trong phần 2; sau đó, nhận xét đặc điểm của các bằng chứng ấy và vai trò của chúng đối với luận điểm).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thảo luận nhóm điền vào PHT.  \* *Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 nhóm HS trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV tổng kết ý kiến các nhóm, nêu định hướng trả lời. | **2.1. Tìm hiểu mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**  **\*** Luận đề, bố cục và luận điểm: PHT số 2  \* Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm,, lí lẽ và bằng chứng: **PHT số 3.**  \* Một số bằng chứng tác giả nêu ra trong phần 2.  - Một số bằng chứng  + Băng ở vùng biển Bắc Cực đang biến mất nhanh hơn chúng ta có thể hình dung.  + Nạn cháy rừng kéo dài hơn và lan đi xa hơn.  + Tốc độ diệt chủng sẽ tăng vọt khi môi trường sống bị thu hẹp lại.  + Nhiều người buộc phải di cư khỏi quê hương khi đất đai dần không đáp ứng được nhu cầu của họ.  - Nhận xét về cách triển khai bằng chứng:  + Tác giả đã triển khai các bằng chứng một cách đa dạng trên nhiều phương diện: biến đổi khí hậu khiến môi trường tự nhiên cũng bị biến đổi và gây ra nhiều thiên tai khốc liệt; tác động trực tiếp đến sự tồn vong của con người.  + Cách triển khai này cho thấy, tác giả đã xem xét vấn đề một cách toàn diện, góp phần làm rõ cho luận điểm 2 của phần 2 và luận đề của VB. |
| **PHT số 2**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHT**  **Câu 1**. Xác định luận đề của VB: …………………………………................  Xác định bố cục và các luận điểm của VB:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Luận điểm** | | Phần 1 (từ đầu đến *làm điều cần thiết)* |  | | Phần 2 |  | | Phần 3 |  | | Phần 4 |  | |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Luận đề của VB: vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu. Các luận điểm của VB là:   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Luận điểm** | | Phần 1 (từ đầu đến *làm điều cần thiết)* | Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề | | Phần 2 *(Điều khiến cho ... đang dần cạn kiệt)* | Hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu | | Phần 3 *(Ngọn núi phía trước ... gây ra)* | Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này | | Phần 4 (phần còn lại) | Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu | |   **Phiếu 2b (phiếu này chỉ dùng để gợi ý đáp án cho PHT số 3)**   |  |  | | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ + bằng chứng** | | Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề | - Lí lẽ: Biến đổi khí hậu là vấn đề hạn định của thời đại chúng ta và chúng ta đang ở vào thời điểm có tính hạn định  - Bằng chứng: Nếu chúng ta không thay đổi thì đến năm 2020, chúng ta có nguy cơ đánh mất thời điểm có thể tránh được một sự biến đổi khí hậu phi mã1, gây ra những hậu quả tàn khốc đối với con người và toàn bộ hệ thống tự nhiên nuôi sống chúng ta | | Hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu | - Lí lẽ: chúng ta đã được cảnh báo từ nhiều thập kỉ nhưng các nhà lãnh đạo và mọi người đã từ chối lắng nghe, dẫn đến những hậu quả  - Bằng chứng  + Băng ở vùng biển Bắc Cực đang biến mất, lớp băng dày quanh năm ở bắc Grin-len (Greenland) bắt đầu tan vỡ. Sự nóng lên đột ngột ở Bắc Cực đang tác động đến khí hậu Bắc bán cầu.  + Nạn cháy rừng kéo dài hơn và lan đi xa hơn. Một số đám cháy lớn đến mức thổi muội và tro khắp thế giới, nhuộm đen các khối băng trôi và các chỏm băng, khiến cho chúng tan chảy càng nhanh hơn.  + Ngày càng nhiều người buộc phải di cư khỏi quê hương khi đất đai dần không đáp ứng được nhu cầu của họ. | | Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này. | - Lí lẽ: Biến đổi khí hậu khó để ngăn chặn, nhưng vẫn có giải pháp  - Bằng chứng:  + Giảm thiểu khí nhà kính;  + Giảm thiểu sự phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch, thay thế bằng năng lượng sạch từ nước, gió và Mặt Trời  +... | | Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu | - Lí lẽ: Đã đến lúc các nhà lãnh đạo thể hiện sự quan tâm đến những người đã phó thác cho họ, nhất là giới trẻ và phụ nữ... | | => Nhận xét: Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là mối quan hệ tương hỗ, bổ sung cho nhau.  - Luận đề được chứng minh thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.  - Luận điểm được củng cố bởi các lí lẽ và bằng chứng.  - Lí lẽ và bằng chứng giúp tăng tính thuyết phục cho luận điểm. | |   . | |

**2.2. Nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận xét, đánh giá được tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 4,5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời miệng của HS cho câu 4, 5 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Trong phần 3, những giải pháp nào đã được nêu nhằm giải quyết vấn đề khủng hoảng khí hậu? Em có nhận xét gì về những giải pháp ấy? (Hs thảo luận nhóm đôi theo **PHT số 4**)  - Ở phần 4, người viết nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Em suy nghĩ như thế nào về ý tưởng này? (Hs thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn).  Thực hành áp dụng kĩ thuật dạy học  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2) 🡪 (3).  *\* Báo cáo, thảo luận:* 4 - 6 HS trình bày sản phẩm. Các HS khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm, bổ sung: | \* Những giải pháp đã nêu nhằm giải quyết khủng hoảng khí hậu:  - Giảm thiểu khí nhà kính.  - Nhanh chóng thoát khỏi sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch và thay thế chúng bằng năng lượng sạch từ nước, gió, mặt trời.  - Ngăn chặn nạn phá rừng, phục hồi các cánh rừng bị hư tổn và thay đổi phương thức canh tác.  \* Nhận xét về những giải pháp: Các giải pháp được nêu ra khả thi, phù hợp với thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu, đặc biệt hướng đến đối tượng là các quốc gia giàu có - đối tượng chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc gây ra biến đổi khí hậu toàn cầu.  \* Bàn về tính chất đúng – sai của ý tưởng *“ đề cao vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu”.*  *-* Đây là ý tưởng đúng đắn, phù hợp với bối cảnh khí hậu toàn cầu đang khủng hoảng và sự thiếu hụt vai trò của những nhà lãnh đạo. Bởi vì.  + Người trẻ:  . Có tư duy sáng tạo, năng động, sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới và ứng dụng công nghệ vào giải quyết vấn đề.  . Ít bị ràng buộc bởi các quan điểm truyền thống, sẵn sàng thử nghiệm và đổi mới.  . Là thế hệ trụ cột trong tương lai  - Phụ nữ:  + Thường đóng vai trò quan trọng trong gia đình và cộng đồng, có khả năng truyền cảm hứng và huy động mọi người tham gia hành động.  + Có nhiều kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững.  🡪 Kết luận: Vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ là vô cùng quan trọng trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Cần tạo điều kiện để họ phát huy tiềm năng và đóng góp vào việc xây dựng một tương lai bền vững cho Trái Đất. |

**2.3. Liên hệ, vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 6 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 6 trong SGK về thông điệp của VB và sản phẩm sáng tạo: poster/ infographic trình bày một số vấn đề cấp bách về biến đổi khí hậu của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Theo em, thông điệp mà văn bản gửi đến người đọc là gì? Thiết kế một poster hoặc infographic để trình bày một số vấn đề cấp bách về biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.  \* *Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thảo luận tìm thông điệp của VB; đồng thời phác thảo ý tưởng thực hiện sản phẩm sáng tạo (sản phẩm gì, cách làm thế nào,...?) sau đó hoàn thiện sản phẩm tại nhà và công bố sản phẩm trên góc truyền thông của lớp.  \* *Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 nhóm thực hiện yêu cầu, trình bày sản phẩm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận* *định:* GV nhận xét, khen ngợi sản phẩm của HS | *-* Thông điệp của VB: Cần phải giải quyết ngay vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và các quốc gia giàu có cần chịu trách nhiệm chính.  - Sản phẩm sáng tạo: cần thể hiện sáng tạo, đẹp mắt, khoa học, trình bày được một số vấn đề cấp bách về biến đổi khí hậu. |
| *.*  https://imagev3.vietnamplus.vn/Uploaded/2024/pcfo/2019_03_18/1803_info_bian_doi_khi_hau.jpeg.webp  *.* | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản.

- Rút ra được cách đọc VB nghị luận thông qua hai VB đã đọc.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  - Nhóm 4-6 HS thiết kế cẩm nang trình bày cách đọc VB nghị luận (thông qua việc đọc VB 1 và VB 2 trong SGK).  \* *Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trưng bày sản phẩm tại góc học tập của lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* GV nêu một số định hướng nội dung của cẩm nang. Yêu cầu của cẩm nang.  - Về nội dung, trình bày ngắn gọn một số lưu ý về cách đọc VB nghị luận.  - Về hình thức, cẩm nang có thể được thiết kế dưới dạng thẻ đọc hoặc sổ tay. | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Bài phát biểu không chỉ cung cấp những thông tin quan trọng về biến đổi khí hậu mà còn khơi gợi ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc bảo vệ hành tinh. Đây là một lời kêu gọi mạnh mẽ đến toàn nhân loại, nhằm chung tay hành động để xây dựng một tương lai bền vững.  - Nghệ thuật:  + Văn bản trình bày logic, rõ ràng, rành mạch làm tăng hiệu quả diễn đạt thông tin của văn bản.  + Hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ xác đáng  + Bằng chứng phong phú, cụ thể từ nhiều lĩnh vực tri thức khoa học và thực tiễn.  **2. Một số lưu ý khi đọc văn bản nghị luận**  - Phân tích luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.  - Nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề được đặt ra trong VB.  - Liên hệ ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội khi VB ra đời hoặc với bối cảnh hiện tại. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Bảo vệ môi trường”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Bảo vệ môi trường”  Câu 1: Nội dung cốt lõi của luận đề là gì?  A. Biến đổi khí hậu đe dọa sự tồn vong của hành tinh.  B. Tầm quan trọng của giáo dục.  C. Sự phát triển của công nghệ.  D. Vai trò của hợp tác quốc tế.  Câu 2: Luận điểm 1 trong văn bản đề cập đến điều gì?  A. Các giải pháp đối phó với biến đổi khí hậu.  B. Trách nhiệm của các nhà lãnh đạo.  C. Thực trạng biến đổi khí hậu và lời kêu gọi.  D. Tầm quan trọng của hành động tức thời.  Câu 3: Theo văn bản, một trong những giải pháp được đề xuất để giải quyết khủng hoảng khí hậu là gì?  A. Tăng cường sử dụng nhiên liệu hóa thạch.  B. Phát triển công nghiệp nặng.  C. Nhanh chóng thoát khỏi sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và thay thế bằng năng lượng sạch.  D. Mở rộng diện tích đô thị.  Câu 4: Mối quan hệ giữa các luận điểm trong văn bản như thế nào?  A. Chặt chẽ và lô-gíc, luận điểm trước là cơ sở cho luận điểm sau.  B. Mâu thuẫn và đối lập.  C. Độc lập và không liên quan.  D. Lặp lại và trùng lặp.  Câu 5: Nhận xét về các giải pháp của tác giả được đề xuất trong văn bản?  A. Chưa đủ toàn diện và cần bổ sung thêm.  B. Không khả thi trong thực tế  C. Phù hợp, khả thi với thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu.  D. Chỉ áp dụng được ở các nước đang phát triển.  Câu 6: Theo văn bản, các nhà khoa học đã làm gì về vấn đề biến đổi khí hậu từ nhiều thập kỷ trước?  A. Phủ nhận sự tồn tại của biến đổi khí hậu.  B. Cảnh báo về biến đổi khí hậu.  C. Không quan tâm đến vấn đề này.  D. Khuyến khích sử dụng nhiên liệu hóa thạch.  Câu 7: Đâu không phải là một trong những bằng chứng về biến đổi khí hậu được đề cập trong văn bản.?  A. Băng ở ơ Grin-len bắt đầu tan vỡ.  B. Nạn cháy rừng kéo dài hơn và lan đi xa hơn.  C. Sự gia tăng của các loài động vật có vú ở Bắc Cực.  D. Bằng ở Bắc Cực đang biến mất nhanh hơn.  Câu 8: Theo văn bản, ai được người viết nhấn mạnh vai trò lãnh đạo trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu?  A. Vai trò lãnh đạo của các nhà khoa học.  B. Vai trò lãnh đạo của các hính trị gia.  C. Vai trò lãnh đạo của gười trẻ và phụ nữ.  D. Vai trò lãnh đạo của doanh nhân.  Câu 9: Biến đổi khí hậu là vấn đề như thế nào?  A. Là vấn đề riêng của một số quốc gia.  B. Là mối đe dọa không đáng kể.  C. Là vấn đề toàn cầu.  D. Là hiện tượng tự nhiên không thể kiểm soát.  Câu 10: Điều gì khiến người trẻ có lợi thế trong việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu?  A. Nhiều kinh nghiệm sống.  B. Tư duy sáng tạo, năng động và sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới.  C. Quyền lực chính trị.  D. Nguồn tài chính dồi dào.  Câu 11: Thái độ của tác giả khi đối thoại với các nhà lãnh đạo và công chúng được miêu tả như thế nào trong văn bả?  A. Thận trọng và né tránh.  B. Thẳng thắn và có trách nhiệm.  C. Lạc quan và hời hợt.  D. Bi quan và chỉ trích.  Câu 12: Theo văn bản, ai là những người chịu tác động tồi tệ nhất từ biến đổi khí hậu?  A. Các nhà khoa học và nhà nghiên cứu.  B. Các quốc gia giàu có và phát triển.  C. Các quốc gia nghèo nhất và các cộng đồng bình thường nhất.  D. Các nhà lãnh đạo thế giới.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn.

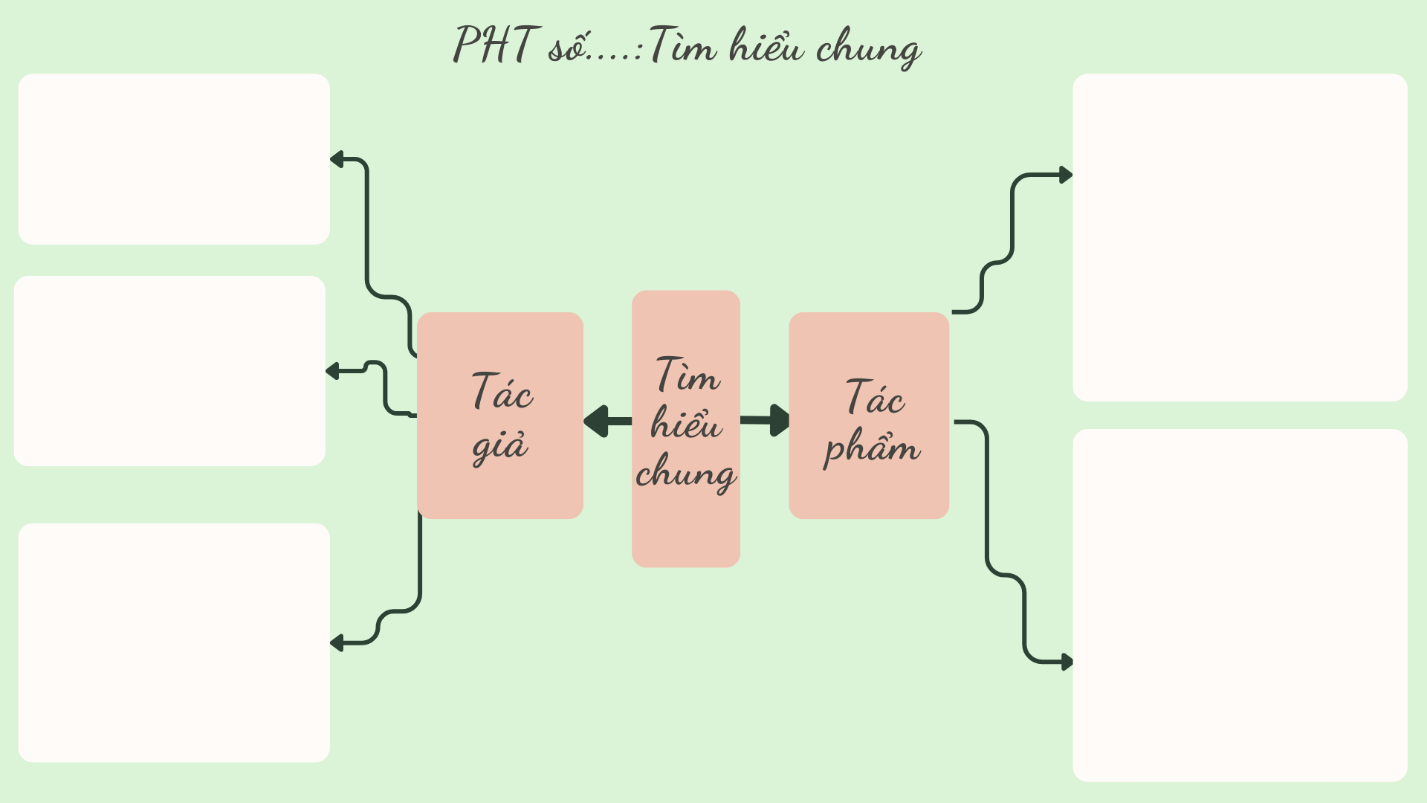
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

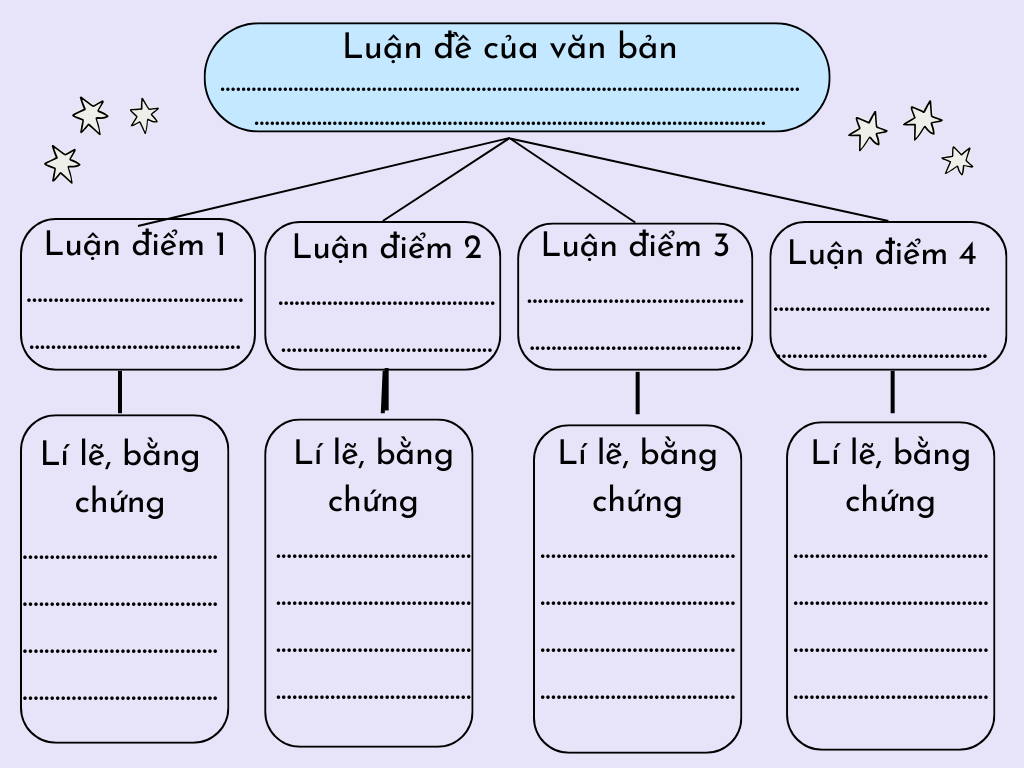
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* [Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trả lời câu hỏi: Phải chăng nhân loại không còn cách gì để đối phó với tình trạng Trái Đất ngày càng nóng lên?](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-kn/doan-van-tra-loi-cau-hoi-phai-chang-nhan-loai-khong-con-cach-gi.jsp)  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán câu trả lời lên bảng học tập của lớp, một vài HS chia sẻ ấn tượng của mình về chi tiết trong tác phẩm; HS gửi bài vào nhóm lớp.  *\* Kết luận, nhận định.*  *-* GV chọn đọc ngẫu nhiên một số đoạn văn của Hs.  - Gv nhận xét về sản phẩm của Hs. | Hs viết đoạn văn  Gợi ý:  Mặc dù biến đổi khí hậu là một vấn đề cấp bách và nghiêm trọng, nhưng không phải là không còn cách nào để đối phó với tình trạng Trái Đất ngày càng nóng lên. Điều quan trọng là cần có sự chung tay góp sức của tất cả mọi người, từ các nhà lãnh đạo, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ cho đến mỗi cá nhân. Một số giải pháp có thể thực hiện bao gồm: Cần giảm thiểu việc sử dụng năng lượng từ nguồn hóa thạch và tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, thủy điện. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ khí carbon. Việc bảo vệ rừng và trồng cây mới sẽ giúp giảm lượng khí carbon trong không khí. Việc giảm lượng rác thải và sử dụng lại tài nguyên sẽ giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Việc tăng cường ý thức về tác động của biến đổi khí hậu và cách thức bảo vệ môi trường là quan trọng để mọi người cùng hành động. Những biện pháp trên cần được thực hiện không chỉ ở cấp độ cá nhân mà còn ở cấp độ cộng đồng và toàn cầu để chúng ta có thể đối phó hiệu quả với tình trạng Trái Đất ngày càng nóng lên. |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**PHT số 3**

****

**PHT số 4**

****

Tiết theo PPCT: 77

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

**NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỂ AN TOÀN TRONG KHÔNG GIAN MẠNG (DÀNH CHO TRẺ EM VÀ NGƯỜI SẮP THÀNH NIÊN)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc VB thông tin để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* và VB *Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu* để hiểu hơn về chủ điểm *Những vấn đề toàn cầu*.

**2. Phẩm chất**

- Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu ngữ liệu, tranh ảnh.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs.

***b. Nội dung:*** Hs xem video hoặc ngữ liệu.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  - Cách 1: HS xem video và trả lời câu hỏi: Video đề cập đến nội dung gì? Bản thân em đã bao giờ gặp vấn đề tiêu cực liên quan đến không gian mạng chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện đó (nếu có thể).  <https://www.youtube.com/watch?v=vw4K3CsTcxQ>  (Lấy từ 0.30 giây đến 4.45)  - Cách 2: Hiện nay, có những mạng xã hội nào phổ biến trên thế giới và lứa tuổi học sinh Việt Nam thường sử dụng mạng xã hội nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài: Mạng xã hội có thể hiểu là một trang web hay nền tảng trực tuyến với rất nhiều dạng thức và tính năng khác nhau, giúp mọi người dễ dàng kết nối từ bất cứ đâu. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản Những điều cần biết để an toàn trong không gian mạng (dành cho trẻ em và người sắp thành niên). | - Cách 1: Hs quan sát video và chia sẻ  - Cách 2: Mạng xã hội phổ biến hiện nay: Facebook, Instagram, Threads, Tiktok, X, Youtube, Snapchat, Weibo, Line… |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Gv gọi 2 Hs đọc bài.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  2 Hs đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cách đọc. | - Đọc to, rõ ràng và chính xác những thông tin trong văn bản.  - Chú ý tốc độ đọc. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng kĩ năng đọc VB thông tin để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* và VB *Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu* để hiểu hơn về chủ điểm *Những vấn đề toàn cầu*.

**-** Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm đôi các câu hỏi 1,2,3  - Không gian mạng tiềm ẩn những rủi ro và nguy cơ nào?  - Theo người viết, để tránh gặp phải rắc rối khi sử dụng không gian mạng, các em cần lưu ý những gì?  - Nhận xét về vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định.* | **Câu 1:** Những rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn trên không gian mạng:  - Thông tin xấu, độc hại.  - Bắt nạt trên mạng.  - Xâm phạm đời tư.  - Xâm hại tình dục.  **Câu 2:** Để tránh gặp phải rắc rối khi sử dụng không gian mạng, các em cần lưu ý:  - Không làm quen, trò chuyện với người lạ; không chia sẻ thông tin cá nhân lên mạng, nhất là những hình ảnh nhạy cảm, tâm trạng riêng tư.  - Không sử dụng các trang mạng, phần mềm,… mà các em nghi ngờ là xấu, không chia sẻ định vị khi sử dụng các ứng dụng trên mạng.  - Thông báo với bố mẹ, thầy cô, những người tin tưởng,.. khi gặp rắc rối để được tư vấn, giúp đỡ.  - Kiềm chế, cân nhắc, suy nghĩ kĩ trước khi chia sẻ, bình luận,... khi tham gia mạng xã hội.  **Câu 3:** Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng bao gồm: *sơ đồ, hình ảnh, từ ngữ in đậm.* Chúng có vai trò làm rõ các thông tin cơ bản của VB; nhấn mạnh những từ khoá quan trọng; làm cho VB thêm sinh động, hấp dẫn. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trình bày sơ đồ,  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét. | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Văn bản đã đề cập đến những rủi ro khi sử dụng mạng xã hội cũng như giải pháp thiết thực, hữu hiệu khi sử dụng mạng xã hội đối với lứa tuổi học sinh.  - Nghệ tthuật: Thông tin trình bày ngắn gọn, súc tích, rõ ràng; Hình ảnh minh họa sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Dũng sĩ trên không gian mạng”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Dũng sĩ trên không gian mạng”  Câu 1: Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em, một cơ quan chuyên trách về tư vấn, tham vấn và bảo vệ quyền lợi của trẻ em là:  A. Tổng đài 110  B. Tổng đài 111  C. Tổng đài 113  D. Tổng đài 115  Câu 2: Theo văn bản, đâu không phải là một trong những rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn của không gian mạng?  A. Thông tin xấu, độc hại  B. Xâm phạm đời tư  C. Bắt nạt  D. Tăng cường kỹ năng giao tiếp  Câu 3: Theo bài đọc, trẻ em có thể bắt gặp nội dung nào không phù hợp với lứa tuổi trên mạng?  A. Bạo lực và khiêu dâm.  B. Hoạt hình giáo dục  C. Thông tin thời sự  D. Bài hát thiếu nhi  Câu 4: Tại sao việc chia sẻ thông tin cá nhân lên mạng có thể gây nguy hiểm?  A. Vì có thể bị kẻ xấu sử dụng vào mục đích xấu.  B. Vì làm tăng lượng người theo dõi trên mạng xã hội  C. Vì giúp kết bạn dễ dàng hơn  D. Vì giúp quảng bá bản thân tốt hơn  Câu 5: Theo bài đọc, hành vi nào sau đây được xem là bắt nạt trên mạng?  A. Chia sẻ bài viết của bạn bè  B. Bình luận tích cực  C. Chế giễu, chỉ trích, miệt thị người khác  D. Gửi tin nhắn chúc mừng sinh nhật  Câu 6: Việc "kiểm soát" trong bài đọc có nghĩa là gì?  A. Kiểm soát cảm xúc của bản thân  B. Kiểm soát người khác trên mạng  C. Thoát khỏi và xóa các chương trình, trang thông tin nghi ngờ xấu.  D. Kiểm soát thời gian sử dụng mạng  Câu 7: Nếu phát hiện một người bạn đang bị bắt nạt trên mạng, chúng ta nên làm gì?  A. Tham gia bắt nạt cùng  B. Làm ngơ vì đó không phải việc của mình  C. Thông báo cho người lớn và hỗ trợ bạn  D. Chia sẻ thông tin về vụ bắt nạt để mọi người cùng biết  Câu 8: Một người bạn trên mạng xã hội gửi cho em một đường link và nói rằng đó là một trò chơi thú vị, em nên:  A. Nhấp vào đường link ngay lập tức  B. Chia sẻ đường link với bạn bè  C. Kiểm tra độ tin cậy của đường link trước khi mở.  D. Yêu cầu người bạn đó gửi thêm nhiều đường link khác  Câu 9: Em nhận thấy một người bạn đang chia sẻ quá nhiều thông tin cá nhân trên mạng xã hội. Em nên làm gì?  A. Khuyên bạn nên cẩn thận và giải thích về các nguy cơ.  B. Chia sẻ lại thông tin của bạn ấy  C. Không quan tâm vì đó là việc của bạn ấy  D. Chỉ trích bạn ấy công khai trên mạng xã hội  Câu 10: Nếu phát hiện một trang web có nội dung không phù hợp với lứa tuổi, chúng ta nên làm gì?  A. Tiếp tục xem để tìm hiểu thêm  B. Chia sẻ với bạn bè để cùng xem  C. Đóng trang web và thông báo cho người lớn.  D. Bình luận phản đối trên trang web đó  Câu 11: Khi tham gia một cuộc thảo luận trực tuyến và có người có ý kiến trái ngược với mình, em nên làm gì?  A. Công kích cá nhân người đó  B. Tôn trọng ý kiến khác biệt và thảo luận một cách lịch sự.  C. Rời khỏi cuộc thảo luận ngay lập tức  D. Kêu gọi mọi người tẩy chay ý kiến đó  Câu 12: Khi nhận được một email thông báo trúng thưởng và yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân, em nên:  A. Cung cấp thông tin ngay để nhận thưởng  B. Kiểm tra độ tin cậy của email và không cung cấp thông tin nếu nghi ngờ.  C. Chuyển tiếp email cho bạn bè để họ cũng có cơ hội trúng thưởng  D. Trả lời email để hỏi thêm chi tiết về giải thưởng  Câu 13: Nếu em phát hiện một người bạn đang bị dụ dỗ gửi hình ảnh nhạy cảm trên mạng, em sẽ làm gì?  A. Khuyên bạn không nên làm và thông báo cho người lớn  B. Giúp bạn chụp và gửi hình ảnh đó  C. Không can thiệp vì đó là chuyện riêng của bạn ấy  D. Chia sẻ thông tin này lên mạng xã hội để cảnh báo mọi người  Câu 14: Nếu bạn nhận thấy một người bạn có dấu hiệu nghiện internet, chúng ta nên làm gì?  A. Khuyến khích bạn ấy dành nhiều thời gian hơn trên mạng  B. Nói chuyện với bạn ấy về tác hại của việc lạm dụng internet và gợi ý các hoạt động ngoại tuyến.  C. Cắt đứt liên lạc với bạn ấy  D. Đăng bài về tình trạng của bạn ấy lên mạng xã hội  Câu 15: Khi thấy một bài đăng trên mạng xã hội có nội dung gây sốc hoặc khó tin, chúng ta nên làm gì?  A. Chia sẻ ngay lập tức để mọi người cùng biết  B. Kiểm tra tính xác thực của thông tin trước khi tin hoặc chia sẻ.  C. Bình luận để bày tỏ sự phẫn nộ của bạn  D. Lưu lại để xem sau  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức: | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Hsvẽ tranh thể hiện một hình ảnh thơ mà bản thân ấn tượng nhất.

***c. Sản phẩm:*** Bức tranh của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em biết gì về hiện tượng bắt nạt trên mạng? Cần làm gì để bảo vệ bản thân và những người xung quanh trước hiện tượng này?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs. | - Hiện tượng bắt nạt trên mạng là một vấn đề đáng lo ngại và cần được chú ý. Để bảo vệ bản thân và những người xung quanh, chúng ta có thể thực hiện một số biện pháp sau:  + Tăng cường nhận thức: Hãy hiểu rõ về các hình thức bắt nạt trực tuyến và nhận biết các dấu hiệu để có thể phòng tránh và đối phó khi gặp phải.  + Bảo vệ thông tin cá nhân: Hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng xã hội và chỉ chia sẻ với những người tin cậy. Đồng thời, kiểm tra và cập nhật cài đặt bảo mật trên các tài khoản mạng xã hội.  + Sử dụng mạng xã hội một cách an toàn: Hãy cân nhắc trước khi đăng tải thông tin cá nhân, hình ảnh hoặc video. Tránh tham gia vào các cuộc tranh cãi hoặc gây gổ trực tuyến và luôn giữ lịch sự trong giao tiếp trực tuyến.  + Báo cáo và chặn người bắt nạt: Nếu bạn gặp phải hành vi bắt nạt trực tuyến, hãy báo cáo cho nhà trường hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền. Đồng thời, sử dụng tính năng chặn người dùng để ngăn chặn sự quấy rối từ người khác.  + Xây dựng mạng lưới hỗ trợ: Hãy tìm kiếm sự giúp đỡ từ gia đình, bạn bè và người tin cậy khi gặp phải tình huống khó khăn. Chia sẻ với họ về những trải nghiệm và cảm xúc của mình để có được sự hỗ trợ và lời khuyên.  + Tăng cường giáo dục về an toàn trực tuyến: Nhà trường và gia đình cần hợp tác để cung cấp cho trẻ em kiến thức về an toàn trực tuyến và cách đối phó với bạo lực trực tuyến. Đồng thời, cần tạo ra môi trường học tập và sống lành mạnh, tôn trọng và không chấp nhận bất kỳ hành vi bắt nạt nào. |

**IV. PHỤ LỤC**

Tiết theo PPCT: 79:

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**BẢN SẮC DÂN TỘC: CÁI GỐC CỦA MỌI CÔNG DÂN TOÀN CẦU**

**Nam Lê – Như Ý**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: Có những lí giải mới mẻ về VB.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong VB.

- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

- Vận dụng kĩ năng đọc văn nghị luận đã học vào đọc một VB nghị luận mới.

**2. Phẩm chất**

- Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, tivi dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có);

- Giấy A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm;

- PHT;

- Sơ đồ, biểu bảng tóm tắt đặc trưng của kiểu VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử và VB phỏng vấn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs.

***b. Nội dung:*** Hs xem video hoặc ngữ liệu.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Theo em, quá trình toàn cầu hóa có những thuận lợi và thách thức gì đối với đất nước ta?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung kiến thức: - GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản Bản sắc dân tộc: Cái gốc của mọi công dân toàn cầu. | - Cơ hội:  + Tự do hóa thương mại mở rộng, hàng rào thuế quan giữa các nước.  + Đón đầu được công nghiệp hiện đại.  + Chuyển giao những thành tựu mới về khoa học và công nghệ.  - Thách thức:  + Bị áp lực lớn trong cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm.  + Cần có vốn đầu tư và có nguồn nhân lực kĩ thuật cao  + Các siêu cường kinh tế tìm cách áp đặt lối sống và nền văn hóa của mình đối với các nước khác.  + Toàn cầu hóa gây áp lực nặng nề đối với tự nhiên, môi trường  + Các giá trị đạo đức, bản sắc văn hóa có nguy cơ bị xói mòn. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv hướng dẫn Hs đọc văn bản và tìm hiểu ý nghĩa của một số từ khó: Bản sắc, công dân toàn cầu  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc. | - Cách đọc: Khi đọc, HS cần phân biệt giọng đọc ở các đoạn có màu sắc biểu cảm khác nhau (khi đưa thông tin khách quan, khi bình luận sắc bén, khi thì thể hiện thái độ bất bình rõ ràng…).  - Giải nghĩa một số từ:  + Bản sắc: những yếu tố riêng làm nên tính chất đặc thù của một cá nhân, một nền văn hoá, hay một quốc gia, dân tộc  + Công dân toàn cầu: những người nhận thức được các mối quan hệ toàn cầu, định vị mình như một công dân của thế giới và có những suy nghĩ, hành động để đóng góp cho nhân loại; công dân toàn cầu có thể là người sinh sống, làm việc tại nhiều quốc gia, hoặc cũng có thể là những người đóng góp cho toàn cầu ngay trên quê hương của mình. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong VB.

- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

- Vận dụng kĩ năng đọc văn nghị luận đã học vào đọc một VB nghị luận mới.

**-** Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:*  Câu 1: Phân tích mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản. Lí lẽ và bằng chứng nào em ấn tượng nhất? Vì sao?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | |  |  |  |  | |  |  |  |   Câu 2: Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: “Một người công dân toàn cầu thực sự sẽ bổ sung giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình vào nền văn hóa chung toàn cầu”. Tìm một vài ví dụ trong thực tế cuộc sống để làm sáng tỏ suy nghĩ của em.  Câu 3: Tìm hiếu và giới thiệu với các bạn một nét đẹp văn hóa đặc trưng của Việt Nam.  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **Câu 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Sự dung hoà giữa giá trị truyền thống và hội nhập quốc tế đối với mỗi công dân toàn cầu. | Khi một người tự hào nói rằng “tôi là công dân toàn cầu”, có nghĩa là những việc anh ta đã và đang góp phần tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn. | - Toàn cầu hóa không đồng nghĩa với việc hòa tan bản sắc, mà là sự giao thoa và tôn trọng sự đa dạng văn hóa.  - Mỗi công dân, mỗi dân tộc là một mảnh ghép độc đáo trong bức tranh chung của nhân loại.  - Bản sắc văn hóa giúp mỗi người định hình bản thân và đóng góp giá trị riêng cho cộng đồng toàn cầu.  - Nền văn hóa truyền thống là sức mạnh giúp con người thích nghi và hội nhập trong thế giới phẳng. | - Ví dụ về Trung Quốc, châu Âu chứng minh khả năng giữ gìn bản sắc trong môi trường toàn cầu.  - Nêu vai trò của các yếu tố như giáo dục, gia đình, cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa.  - Trích dẫn ý kiến của các nhà văn hóa, danh nhân về tầm quan trọng của bản sắc văn hóa. | | Đặc trưng của toàn cầu hoá là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại. |   - Hs chọn lí lẽ và bằng chứng mà bản thân ấn tượng. Gợi ý:  + Lí lẽ: Toàn cầu hóa không đồng nghĩa với việc hòa tan bản sắc, mà là sự giao thoa và tôn trọng sự đa dạng văn hóa. Vì: Toàn cầu hóa mang lại cơ hội cho các quốc gia và dân tộc khác nhau để trao đổi, học hỏi và phát triển cùng nhau. Việc giao thoa văn hóa giúp mở rộng kiến thức và nhận thức của mỗi người, đồng thời tạo ra một môi trường sống đa dạng và phong phú.  + Bằng chứng: Các nước châu Âu à nới nhất thể hóa gần như không có biên giới, nhưng người Đức và Bỉ không lẫn vào nhau, người Hà Lan vẫn giữ được văn hóa riêng,...Vì nó đã cho thấy hội nhập không đồng nghĩa với việc đánh mất bản sắc dân tộc  **Câu 2:**  - Giải thích ý kiến: Giá trị của một công dân toàn cầu thể hiện ở chỗ họ đóng góp giá trị văn hoá truyền thống dân tộc vào nền văn hoá chung toàn cầu.  - Biểu hiện:  + Giữ gìn truyền thống văn hoá dân tộc khi sinh sống ở nước ngoài, giới thiệu văn hoá truyền thống dân tộc đến bạn bè quốc tế,..  🡪 HS nêu quan điểm đồng tình/ phản đối về ý kiến trong VB theo góc nhìn, trải nghiệm cá nhân.  - Một số ví dụ:  + Hoa hậu Thanh Thủy giới thiệu nghề dệt cửi, trang phục truyền thống của Việt Nam thông qua phần thi trang phục dân tộc.  + Du học sinh gói bánh chưng và giới thiệu cho bạn bè quốc tế.  + ...  **Câu 3:** Giới thiệu nét đẹp trong ẩm thực: món phở:  - Phở là một món ăn truyền thống và phổ biến của Việt Nam. Nó là một loại mì gạo mềm mịn, được chế biến trong nước dùng thơm ngon và thường được kèm theo thịt bò hoặc gà, rau sống và gia vị.  - Nước dùng phở thường được nấu từ xương hầm và các loại gia vị như hành, gừng, hồ tiêu và quế, tạo nên hương vị đặc trưng và thơm ngon. Mì phở thường được làm từ gạo tinh khiết, được cắt thành sợi mỏng và nhanh chóng được chín trong nước sôi trước khi được đổ nước dùng lên.  - Phở có thể được ăn vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày, từ bữa sáng cho đến bữa tối. Khi thưởng thức phở, người ta thường thêm rau sống như húng quế, ngò gai, mùi tàu và giá vào bát phở, tạo thêm độ tươi mát và hương vị. Ngoài ra, người ta cũng có thể thêm các loại gia vị như nước mắm, chanh, tỏi và ớt tùy theo khẩu vị cá nhân.  - Phở đã trở thành một biểu tượng của ẩm thực Việt Nam và được yêu thích trên toàn thế giới. Nó là một món ăn đậm đà với hương vị độc đáo và mang đậm nét văn hóa của Việt Nam. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân để khái quát nội dung và nghệ thuật của VB.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | **III. Tổng kết**  - Nội dung: Tác giả bài viết đã đề cập đến xu thê toàn cầu hóa, từ đó kêu gọi người dân nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.  - Nghệ thuật: Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng thuyết phục. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Công dân toàn cầu”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Gv tổ chức trò chơi “Công dân toàn cầu”  Câu 1: Theo bài đọc, xu thế nào đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay?  A. Công nghiệp hóa  B. Hiện đại hóa  C. Toàn cầu hóa  D. Đô thị hóa  Câu 2: Việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc còn mang ý nghĩa gì ngoài việc phân biệt giữa con người của các quốc gia?  A. Bảo tồn những giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại  B. Tạo ra sự khác biệt giữa các nền văn minh  C. Ngăn chặn sự giao lưu văn hóa giữa các quốc gia  D. Duy trì sự thuần khiết của văn hóa dân tộc  Câu 3: Theo bài đọc, đặc trưng của toàn cầu hóa là gì?  A. Sự đồng hóa văn hóa  B. Sự xóa bỏ ranh giới quốc gia  C. Sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc  D. Sự thống nhất ngôn ngữ toàn cầu  Câu 4: Theo bài đọc, điều gì không thể bị đặt trong một khuôn khổ hay không gian giới hạn nào?  A. Văn hóa dân tộc  B. Biến đổi khí hậu và các đại dịch truyền nhiễm  C. Ngôn ngữ quốc gia  D. Chính sách kinh tế  Câu 5: Tại sao việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc lại quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa?  A. Để chống lại sự xâm nhập của văn hóa nước ngoài  B. Để duy trì sự khác biệt và đóng góp vào bức tranh văn hóa chung của nhân loại  C. Để cô lập quốc gia khỏi các ảnh hưởng bên ngoài  D. Để ngăn chặn sự phát triển của văn hóa toàn cầu  Câu 6: Bài đọc đề cập đến "thế giới phẳng" để nói về điều gì?  A. Sự san bằng địa lý toàn cầu  B. Sự xóa bỏ ranh giới văn hóa giữa các quốc gia  C. Sự đồng nhất về kinh tế giữa các nước  Câu 7: Dựa vào bài đọc, hãy chọn câu mô tả đúng nhất về mối quan hệ giữa bản sắc dân tộc và công dân toàn cầu:  A. Bản sắc dân tộc và việc trở thành công dân toàn cầu là hai khái niệm đối lập nhau  B. Bản sắc dân tộc là nền tảng để trở thành công dân toàn cầu đích thực  C. Để trở thành công dân toàn cầu, cần phải từ bỏ bản sắc dân tộc  D. Bản sắc dân tộc không liên quan đến việc trở thành công dân toàn cầu  Câu 9: Áp dụng quan điểm của bài đọc, việc giới thiệu văn hóa Việt Nam ra thế giới có ý nghĩa gì?  A. Làm mất đi bản sắc dân tộc Việt Nam  B. Góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa toàn cầu  C. Tạo ra sự xung đột văn hóa với các nước khác  D. Làm suy yếu vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế  Câu 10: Theo tinh thần của bài đọc, cách nào sau đây giúp trở thành công dân toàn cầu đích thực?  A. Từ bỏ hoàn toàn văn hóa dân tộc để hòa nhập với thế giới  B. Chỉ quan tâm đến các vấn đề toàn cầu, bỏ qua vấn đề của quốc gia  C. Kết hợp hài hòa giữa bản sắc dân tộc và tinh thần toàn cầu  D. Chỉ tập trung vào lợi ích cá nhân trong môi trường quốc tế  Câu 11: Vai trò của công dân toàn cầu trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu là gì?  A. Chỉ tập trung vào lợi ích quốc gia  B. Hành động vì niềm tin rằng bản thân thuộc về toàn nhân loại  C. Chờ đợi các tổ chức quốc tế giải quyết  D. Phớt lờ các vấn đề không liên quan trực tiếp đến quốc gia mình  Câu 12: Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa nên được thực hiện như thế nào?  A. Đóng cửa, hạn chế giao lưu văn hóa với thế giới  B. Chỉ tập trung vào phát triển kinh tế, bỏ qua văn hóa  C. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn bản sắc và tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới  D. Hoàn toàn thay đổi văn hóa truyền thống để phù hợp với xu hướng toàn cầu  Câu 13: Làm thế nào để thanh niên Việt Nam có thể trở thành công dân toàn cầu mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc?  A. Chỉ học hỏi văn hóa nước ngoài, bỏ qua văn hóa Việt Nam  B. Tìm hiểu sâu sắc về văn hóa Việt Nam và chủ động học hỏi, giao lưu với văn hóa thế giới.  C. Chỉ tập trung vào văn hóa Việt Nam, không quan tâm đến thế giới bên ngoài  D. Hoàn toàn từ bỏ bản sắc dân tộc để hòa nhập với thế giới  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs thiết kế video

***c. Sản phẩm:*** Video của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy thực hiện một video giới thiệu về bản thân và đất nước Việt Nam.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs. | Video của Hs. |

**IV. PHỤ LỤC**

Tiết 78,79

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LỰA CHỌN CÂU ĐƠN - CÂU GHÉP;**

**CÁC KIÊU CÂU GHÉP VÀ PHƯƠNG TIỆN NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Lựa chọn được câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện trong việc làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động *Thực hành tiếng Việt.*

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức lựa chọn sử dụng câu đơn hay câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép tuỳ vào các mục đích khác nhau trong thực tế giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs so sánh 2 ngữ liệu

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Em hãy đặt/ghi lại 1 câu đơn và 1 câu ghép  - Cách 2:  + Em hãy đọc tên bài học và nêu những nội dung muốn tìm hiểu hoặc thắc mắc về câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.  + Em hãy đọc lướt nội dung phần *Tri thức tiếng Việt* và *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, xác định nội dung bài học và nhiệm vụ học tập.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS trình bày; các nhóm khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về **câu đơn, câu ghép**để có thêm kĩ năng khi sử dụng các kiểu câu này, đồng thời bổ sung kiến thức về phương tiện nối các vế của câu ghép. | - Cách 1:  + “Hoa hồng nở rộ trong vườn.”  + “Nếu bạn chăm chỉ học hành thì thì bạn sẽ đạt được thành công.”  - Cách 2: GV ghi nhận những nội dung HS muốn tìm hiểu về câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép dưới hình thức từ khoá/ cụm từ lên bảng phụ của lớp.  (2) GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được cách thức lựa chọn câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức tiếng Việt và trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về cách thức lựa chọn câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, trả lời câu hỏi:   *+ Khi nào chúng ta lựa chọn câu đơn và khi nào chúng ta lựa chọn một câu ghép?*  *+ Có những kiểu câu ghép nào? Hãy chỉ ra phương tiện nối các vế câu. Lấy ví dụ.*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận**:* Đại diện 1 - 2 HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Lựa chọn câu đơn – câu ghép**  - Chúng ta thường chọn câu đơn (câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt) để biểu thị một phán đoán đơn  - Lựa chọn câu ghép (câu có hai cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt trở lên) để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  **2. Lựa chọn các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu**  **\**Dựa vào quan hệ giữa các vế***  **a. Câu ghép đẳng lập**  - Là câu ghép do các vế câu có quan hệ bình đẳng với nhau tạo thành.  - Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau:  + Liệt kê, ví dụ: *“Ngoài đình, mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.”* (Ngô Tất Tố).  + Tiếp nối, ví dụ: *“Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.*” (Tô Hoài).  + Đối chiếu, ví dụ: “*Ông nói gà, bà nói vịt*.” (Tục ngữ).  + Lựa chọn, ví dụ: *“Mình đọc hay tôi đọc*?” (Nam Cao);...  **b. Câu ghép chính phụ**  - Là câu ghép do các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành.  - Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau:  + Nguyên nhân – kết quả, ví dụ: *“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.”* (Tô Hoài).  + Điều kiện/ giả thiết – kết quả, ví dụ: *“Nếu anh cho phép thì ta cứ - đọc.”* (Nam Cao).  + Nhượng bộ - tương phản, ví dụ: *“Dù cuộc sống có nhiều vất vả, Lê cũng có một cái gia đình.”* (Nguyễn Minh Châu).  + Mục đích – sự kiện, ví dụ: *“Để trường lớp luôn sạch đẹp, chúng ta cần có ý thức giữ gìn vệ sinh chung”.*  **\**Dựa vào phương tiện nối các vế***  **c. Câu ghép có từ ngữ liên kết**  - Ngoài các kết từ (*và, rồi, hay, còn*,...), các cặp kết từ (*vì ... nên, nếu ... thì, tuy ... nhưng*,...), từ ngữ liên kết còn có thể là các cặp từ ngữ hô ứng như *càng ... càng, vừa... vừa, mới ... đã, bao nhiêu ... bấy nhiêu, nào ... ấy,...*  **d. Câu ghép không có từ ngữ liên kết**  Ví dụ: Cô giáo giảng bài, học sinh chăm chú lắng nghe. (Biểu thị quan hệ liệt kê).  🡪 Khi cần sử dụng câu ghép, tuỳ vào quan hệ giữa các vế (đẳng lập/ chính phụ), tuỳ vào mối liên hệ ý nghĩa giữa các vế (liệt kê, lựa chọn, nguyên nhân - kết quả, mục đích - sự kiện,...) Mà chúng ta lựa chọn kiểu câu ghép nào, từ đó, lựa chọn phương tiện nối các vế câu cho phù hợp. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động *Thực hành tiếng Việt***

***a. Mục tiêu:***

Lựa chọn được câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

***b. Nội dung:*** Hs làm bài tập 1,2,3 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời các bài tập 1, 2 và 3 trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bài tập** **1:** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:  *(1) Đặc trưng của chủ nghĩa toàn cầu hiện đại là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hòa ca của nhân loại. (2) Ở đó, người ta chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản. (3) Nhiều ý kiến cho rằng khi “thế giới phẳng”, các nền văn hoá giao thoa sẽ dần hoà lẫn với nhau, mỗi người đều giống hệt nhau và mất đi văn hoá đặc trưng của dân tộc mình. (4) Điều đó là không đúng, bởi mỗi công dân, mỗi dân tộc là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu đặc trưng của dân tộc.*  (Nam Lê - Như Ý, *Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu*, https://giaoducthoidai.vn/, ngày 03/11/2019)  a. Phân tích cấu trúc các câu trong đoạn trích trên, sau đó, cho biết câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép.  b. Nêu tác dụng của việc lựa chọn các kiểu câu (câu đơn, câu ghép) trong đoạn trích trên.  **Bài tập** **2:** Cho đoạn trích sau:  *Nhan đề “Sang thu” vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cánh vật. Hương quả sang thu. Ngọn gió sang thu. Dòng sông, bầu chín, đám mây, bầu trời sang thu. Nắng sang thu. Mưa sang thu, sấm chớp, dông bão, cây cối sang thu. Nhưng trong từng cảnh sang thu của thiên nhiên, đất trời, tạo vật là lồng lộng hồn người sang thu.*  (Theo Vũ Nho, Đi giữa miền thơ)  a. Nhận xét về cấu trúc của các câu in đậm trong đoạn trích trên.  b. Nêu tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy.  **Bài tập** **3:** Cho biết các câu ghép dưới đây thuộc loại câu ghép đẳng lập hay chính phụ. Xác định phương tiện nối các vế câu và nêu tác dụng của việc lựa chọn phương tiện này.  a. *Ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội nếu như làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới.*  (Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King), *Tôi có một giấc mơ*)  b. *Nhưng dù cho tại hoạ có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích.*  (G.G. Mác-két, *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*)  c. *Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực và ánh đèn ô tô ngoài đường cái quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc.*  (Đỗ Chu, *Bồng chanh đỏ*)  d. *Bước chân của anh đặt nhẹ trên đường, tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất.*  (Đỗ Chu, *Bồng chanh đỏ*)  **Bài tập** **4:** Em trao đổi với bạn cùng nhóm một bài văn nghị luận mình đã viết. Sau đó, đọc bài viết của bạn và trả lời các câu hỏi:  a. Bạn em đã sử dụng câu đơn, câu ghép hay kết hợp cả hai kiểu câu trong bài viết?  b. Việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy có tác dụng gì?  c. Khi đọc bài viết của bạn, em thấy bạn đã lựa chọn cấu trúc câu hợp lí chưa? Nếu được phép thay đổi cấu trúc của một vài câu, em sẽ thay đổi như thế nào? Vì sao? | **Bài tập 1:**  *(1) Đặc trưng của toàn cầu hoá* (CN) / *là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại* (VN).  *(2) Ở đó* (trạng ngữ), *người ta* (CN) / *chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản* (VN).  *(3) Nhiều ý kiến* (CN) / *cho rằng khi “thế giới phang”, các nền văn hoá giao thoa sẽ dần hoà lẫn với nhau, mỗi người đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN).  Ghi chú: Trong phần vị ngữ có các cụm chủ - vị nhỏ: khi “*thế giới phẳng* (trạng ngữ), *các nền văn hoá giao thoa* (CN1)/ *sẽ dần hoà lẫn với nhau* (VN1), *mỗi người* (CN2) / *đều giống hệt nhau và mất đi đặc trưng của dân tộc mình* (VN2).  *(4) Điều đó* (CN1) / *là không đúng* (VN1), *bởi mỗi công dân, mỗi dân tộc* (CN2) / *là một mảnh ghép vừa vặn trong bức tranh chung của nhân loại nhưng vẫn mang trong mình một sắc màu đặc trưng của dân tộc* (VN2).  🡪 Câu (1), (2), (3) là câu đơn; câu (4) là câu ghép.  b. Tác dụng của việc lựa chọn câu đơn, câu ghép trong đoạn trích trên:  - Câu (1), (2) và (3) biểu thị một phán đoán đơn giản nên người viết lựa chọn câu đơn là phù hợp. Tuy nhiên, GV cần lưu ý với HS câu (2) và câu (3) cũng có cấu tạo không hoàn toàn đơn giản. Ở câu (2), vị ngữ có cấu tạo từ nhiều cụm động từ: “chia sẻ giá trị của mình vào cái chung, tạo nên một bức tranh lớn đa sắc màu nhưng vẫn nhất quán và đầy tính nhân bản”. Ở câu (3), trong phần vị ngữ có nhiều cụm chủ - vị nhỏ (như đã phân tích ở trên).  - Câu (4) biểu đạt một thông báo có tính chất phức hợp: vừa chỉ ra ý kiến nêu ở câu (3) là không đúng vừa giải thích lí do nên người viết sử dụng câu ghép là phù hợp.  **Bài tập 2:**  a. Nhận xét về cấu trúc của các câu in đậm trong đoạn trích: Các câu in đậm trong đoạn trích đều là câu đơn, có cấu trúc tương đồng (phương thức lặp cấu trúc).  b. Tác giả lựa chọn cấu trúc câu như vậy nhằm nhấn mạnh cả đất trời, tạo vật đều đang “*sang thu”;* tác động mạnh vào tình cảm, cảm xúc của người đọc, gây nên một không khí “*sang thu*”; tạo sự liên kết chặt chẽ về mặt nội dung và hình thức cho đoạn trích.  **Bài tập 3:**  a. Đây là câu ghép chính phụ. Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “nếu như”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “làn gió mùa thu của tự do và công bằng không thổi tới”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “ngọn lửa mùa hè mang bao căm phẫn chính đáng của người da đen sẽ không bao giờ tắt nguội”.  b. Đây là câu ghép chính phụ. Phương tiện nối hai vế câu là cặp kết từ “dù cho ... thì ...”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là “tai hoạ có xảy ra”, vế câu biểu thị nội dung kết quả là “sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”.  c. Đây là câu ghép đẳng lập. Phương tiện nối hai vế câu là kết từ “và”. Tác dụng: Biểu thị quan hệ liệt kê. Hai sự việc được liệt kê là: “Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực, ánh đèn ô tô ngoài đường cái quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc”.  d. Đây là câu ghép đẳng lập. Phương tiện nối hai vế câu là dấu phẩy (,). Tác dụng: Biểu thị quan hệ tiếp nối. Sự việc đầu tiên là “bước chân của anh đặt nhẹ trên đường”, sự việc tiếp theo là “tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất”.  **Bài tập 4: Gợi ý**  a. Bạn đã sử dụng kết hợp cả hai kiểu câu đơn và câu ghép trong bài viết.  b. Tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu như vậy:  - Câu đơn: Nhấn mạnh ý, tạo sự ngắn gọn, súc tích.  - Câu ghép: Liên kết các ý, thể hiện mối quan hệ logic giữa các phần.  - Kết hợp cả hai kiểu câu: Tạo sự đa dạng, phong phú cho bài viết. Nhấn mạnh ý, tăng tính logic và thuyết phục.  c.  - Khi đọc bài viết của bạn, em thấy bạn lựa chọn cấu trúc một số câu chưa hợp lí.  - Nếu được phép thay đổi cấu trúc của một vài câu, em sẽ thay đổi từ câu đơn thành câu ghép, và ngược lại. Vì:  + Thay đổi câu đơn thành câu ghép để bổ sung thông tin, giải thích chi tiết hơn.  + Thay đổi câu ghép thành câu đơn để tạo sự ngắn gọn, súc tích.  + Ngoài ra, việc thay đổi như vậy còn tăng tính logic, rõ ràng, tăng sức thuyết phục cho bài viết. |

**2. Hoạt động khái quát nội dung bài học**

***a. Mục tiêu:***

- Khái quát được nội dung chính của bài học.

- Rút ra được những lưu ý khi lựa chọn câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để:  (1) Tóm tắt nội dung chính của bài học về cách thức lựa chọn câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép.  (2) Rút ra những lưu ý khi vận dụng kiến thức về cách thức lựa chọn câu đơn - câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm HS trình bày câu trả lời.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm học tập của HS. | - Trong thực tế giao tiếp, tuỳ vào mục đích khác nhau, người nói/ người viết, có thể lựa chọn sử dụng câu đơn - câu ghép, lựa chọn các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế của câu ghép.  - Có hai cách phân loại câu ghép thường gặp là:  + Dựa vào quan hệ giữa các vế, có thể chia câu ghép làm hai loại: Câu ghép đẳng lập và câu ghép chính phụ.  + Dựa vào phương tiện nối các vế, có thể chia câu ghép làm hai loại: Câu ghép có từ ngữ liên kết và câu ghép không có từ ngữ liên kết.  - Khi cần sử dụng câu ghép, tuỳ vào quan hệ giữa các vế (đẳng lập/ chính phụ), tuỳ vào mối liên hệ ý nghĩa giữa các vế (liệt kê, lựa chọn, nguyên nhân - kết quả, mục đích - sự kiện,...) mà chúng ta lựa chọn kiểu câu ghép nào, từ đó, lựa chọn phương tiện nối các vế câu cho phù hợp. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức về chủ điểm và cách lựa chọn câu đơn và câu ghép để viết đoạn văn.

***b. Nội dung:*** Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu trong đó có sử dụng câu đơn và câu ghép.

***c. Sản phẩm*:** Đoạn văn của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* Giao nhiệm vụ học tập: Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về những điều cần thay đổi ở thanh niên Việt Nam hiện nay trong việc trở thành công dân toàn cầu trong đó có sử dụng câu đơn và câu ghép.  \* Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ câu hỏi.  \* Báo cáo, thảo luận: 3-4 Hs trình bày đoạn văn.  \* Kết luận, nhận định: GV nhận xét đoạn văn của Hs. | Trong thời đại công dân toàn cầu, việc học tập và phấn đấu để trở thành công dân toàn cầu là điều vô cùng quan trọng. Và mỗi người đều cần thay đổi để trở thành công dân toàn cầu và nhất là thế hệ thanh niên. Công dân toàn cầu được hiểu là người có năng lực, kĩ năng để có thể không chỉ hoạt động trong nước mà còn có thể làm việc và phấn đấu trong môi trường quốc tế với tinh thần hội nhập cao độ. Và muốn thành công dân toàn cầu, kiến thức là điều không thể thiếu trong mỗi người. Kiến thức vững chắc sẽ giúp con người đủ tự tin để khẳng định vươn mình. Bên cạnh đó, ta còn cần trau dồi ngoại ngữ. Bạn sẽ không thể giao tiếp, không thể hòa nhập khi thiếu đi vốn ngoại ngữ. Nếu chỉ mang theo tư tưởng ếch ngồi đáy giếng thì ta rất khó để thành công. Giữa một thế giới rộng lớn, conn gười cần gạt bỏ cái tôi cá nhân và hòa nhập, học hỏi không ngừng với mọi người xung quanh. Thời đại này đang không ngừng đổi thay, không ngừng dịch chuyển. Thái độ, hành động của ta sẽ quyết định tất cả. Bạn và tôi, chúng ta là con người của thời đại số, hãy biết tận dụng tài nguyên và không ngừng cố gắng vì internet ở muôn nơi và cho ta muôn vàn khám phá. Dù đứng ở đâu thì ta cũng có thể tỏa sáng theo cách của riêng mình và là người công dân toàn cầu đúng nghĩa. Nhưng hãy là người công dân luôn mang theo cả đạo đức, tri thức. Và dẫu có toàn cầu hóa đến đâu thì cũng luôn phải nhớ bản thân mình là ai, đất nước mình là gì và luôn quan tâm hơn cả về trách nhiệm tương lai dân tộc. |

Tiết 81

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VÈ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Biết viết VB bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc lập dàn ý và chuẩn bị bài viết ở nhà.

**2. Phẩm chất**

- Có trách nhiệm, quan tâm đến những vấn đề xã hội và có cách ứng xử phù hợp.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- PHT hướng dẫn HS tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Theo em, hiện nay có những vấn đề bất cập nào liên quan đến những người trẻ tuổi?  - HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng viết và xác định nhiệm vụ học tập. GV đặt câu hỏi cho HS: Trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* | - Một số vấn đề:  + Thiếu sự tự tin, mục tiêu, ý chí, nghị lực,...  + Bất đồng với quan điểm của cha mẹ.  + Gian lận trong thi cử; bạo lực học đường,...  - Nhiệm vụ học tập: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, đưa ra được giải pháp khả thi, thuyết phục. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Bước đầu nhận biết khái niệm, đặc điểm, yêu cầu đối với kiểu bài bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

***b. Nội dung:*** HS đọc phần thông tin trang 18 để hoàn thành PHT số 1.

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú, câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS đọc SGK trang 18, hoàn thành **PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Nhiệm vụ** | **Câu trả lời** | | Nêu khái niệm về kiểu bài |  | | Em hãy chỉ ra yêu cầu đối với kiểu bài. |  | | Trình bày bố cục của bài viết về một truyện kể sáng tạo. |  |   *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, ghi chú thông tin quan trọng và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS nêu câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  - Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết thuộc kiểu bài nghị luận xã hội, trong đó, người viết nêu lí lẽ, bằng chứng để phân tích một vấn đề cần giải quyết, từ đó, đưa ra những giải pháp khả thi, thuyết phục cho vấn đề.  **2. Yêu cầu kiểu bài**  **-** Về nội dung: xác định, phân tích được vấn đề cần giải quyết và đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục.  -Về hình thức: lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề.  + Thân bài: giải thích vấn đề cần giải quyết, phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động). |

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Phân tích được đặc điểm của kiểu bài thể hiện qua VB phân tích mẫu.

***b. Nội dung:*** HS đọc và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK.

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) HS đọc thầm VB *Những giải pháp khắc phục tình trạng tin giả trên mạng Internet,* chú ý đến những phần được đánh số và khung thông tin tương ứng bên phải VB.  (2) Nhóm 2 HS thảo luận, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB trong  Câu 1: Văn bản trên bàn luận đến vấn đề gì?  Câu 2: Xác định đoạn văn giải thích và nêu ý nghĩa của thao tác giải thích đối với nội dung văn bản.  Câu 3: Tác giả bài viết đã phân tích vấn đề trên những khía cạnh nào?  Câu 4: Các giải pháp tác giả đưa ra là gì? Em có nhận xét gì về các giải pháp này?  *\* Thực hiện nhiệm:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) -> (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp.  \* *Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét, kết luận về các câu hỏi thảo luận. | **Câu 1:** VB bàn về vấn đề hiện tượng tin giả trên Internet và những giải pháp khắc phục.  **Câu 2:** Đoạn giải thích là đoạn thứ hai trong VB. Đối với nội dung VB, việc giải thích các khái niệm quan trọng giúp thống nhất cách hiểu về vấn đề cần bàn luận, từ đó giúp người đọc hiểu rõ ràng, chính xác VB, tăng sức thuyết phục của VB.  **Câu 3:** Tác giả bài viết đã phân tích vấn đề trên các khía cạnh là thực trạng, nguyên nhân, tác hại.  **Câu 4:** Tác giả đưa ra hai giải pháp: Tuyên truyền về tác hại của tin giả và giúp mọi người hình thành kĩ năng nhận biết tin giả; mỗi cá nhân cần học cách xác thực thông tin trên mạng và chịu trách nhiệm với hành vi lan truyền thông tin. Đây là các giải pháp phù hợp, khả thi, được chỉ dẫn rõ ràng về cách thực hiện, có sự kết hợp hành động giữa cá nhân và tập thể.  - GV phân tích, giúp HS phân biệt kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (học ở lớp 9) với kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống (đã học ***ở*** lớp 7, lớp 8), qua đó HS hiểu rõ hơn về kĩ năng viết:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống (đã học ở lớp 7, lớp 8)** | **Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (lớp 9)** | | Mục đích giao tiếp | Thuyết phục người đọc tin vào những quan điểm của người viết về vấn đề của đời sống | Thuyết phục người đọc tin và thực hiện theo những giải pháp người viết đề xuất về vấn đề cần giải quyết | | Vấn đề bàn luận | Một vấn đề của đời sống (có thể tích cực hoặc tiêu cực) | Một vấn đề trong đời sống cần phải giải quyết (tiêu cực, gây ra những tác hại không mong muốn cho đời sống) | | Hệ thống luận điểm | – Luận điểm 1: Quan điểm thứ nhất về vấn đề  – Luận điểm 2: Quan điểm thứ hai về vấn đề  – Luận điểm … | – Luận điểm 1: Phân tích vấn đề cần giải quyết  – Luận điểm 2: Những giải pháp cần thực hiện để giải quyết vấn đề  – Luận điểm … |   🡪 Nhận xét: Với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, trọng tâm của bài viết là các giải pháp. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

***a. Mục tiêu:***

- Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết.

- Xác định được mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết sẽ thực hiện.

***b. Nội dung:*** HS đọc đề bài trong SGK, mục *Hướng dẫn quy trình viết* trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc đề bài trong SGK, xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Em sẽ chọn viết về đề tài gì?  - Với đề bài này, em sẽ viết bài văn cho ai đọc, nhằm mục đích gì?  - Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, kết luận, bổ sung cho câu trả lời của HS. | Đề bài: [Câu lạc bộ truyền thông của trường tổ chức diễn đàn Giúp nhau tiến bộ, đăng những bài viết đề xuất giải pháp cho các vấn đề mà học sinh thường gặp phải. Em hãy chọn một vấn đề mà mình quan tâm, viết bài nghị luận để gửi đăng ở diễn đàn này.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/cau-lac-bo-truyen-thong-cua-truong-to-chuc-dien-dan-giup.jsp)  Gợi ý  - Đề tài  + [Hiện tượng xả rác bừa bãi trong trường học.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/hien-tuong-xa-rac-bua-bai-trong-truong-hoc.jsp)  + [Tình trạng học đối phó.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/nghi-luan-ve-mot-van-de-can-giai-quyet-tinh-trang-hoc-doi-pho.jsp)  + [Thói quen nói chuyện riêng trong giờ học.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/thoi-quen-noi-chuyen-rieng-trong-gio-hoc.jsp)  + [Tình trạng học sinh thiếu kĩ năng sống.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/tinh-trang-hoc-sinh-thieu-ki-nang-song.jsp)  +...  - Người đọc: Bạn bè, thầy cô  - Mục đích: đề xuất giải pháp cho các vấn đề mà học sinh thường gặp phải. |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

***b. Nội dung:*** Hs hoàn thiện các PHT

***c. Sản phẩm:*** Hệ thống ý, dàn ý, bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết theo **PHT số 1**  - Dựa vào cột 2 trong PHT số 1, Hs lập dàn ý cho bài viết theo **PHT số 2**  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Bước 1: Tìm ý** (PHT số 1)  **Bước 2: Lập dàn ý** (PHT số 2)  **Bước 3: Viết bài**  Viết bài văn hoàn chỉnh, đảm bảo đúng chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.  Lưu ý:  - Kết hợp nêu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Tách đoạn hợp lí, sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Có thể trích dẫn danh ngôn, nhận định để tăng sức thuyết phục cho bài viết. |
| **PHT số 1: TÌM Ý CHO CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Vấn đề cần  giải quyết … | Người  thực hiện  giải pháp | Cách thức  thực hiện | Công cụ/  phương pháp  hỗ trợ  (nếu có) | Lí giải,  phân tích  (nếu có) | Bằng chứng  về việc áp  dụng thành  công (nếu có) | | … | … | … | … | … | | … | … | … | … | … |     **VÍ DỤ: MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG ĐI HỌC MUỘN CỦA HỌC SINH**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Vấn đề cần giải quyết: Tình trạng đi học muộn của HS | Người  thực hiện  giải pháp | Cách thức  thực hiện | Công cụ/  phương pháp  hỗ trợ  (nếu có) | Lí giải,  phân tích  (nếu có) | Bằng chứng  về việc áp  dụng thành  công (nếu có) | | HS | Đi ngủ đúng giờ bằng cách không sử dụng thiết bị điện thoại ít nhất 01 giờ  trước khi ngủ | Nằm thư giãn, hít thở đều và đếm nhịp thở | Việc hít thở và đếm nhịp thở giúp tâm trí thoải mái, dễ chìm vào giấc ngủ và giúp tỉnh táo hơn vào sáng hôm sau | Các nghiên cứu khoa học về giấc ngủ | | HS | Chuẩn bị sách vở, đồ dùng học tập vào buổi tối trước khi ngủ | Sử dụng checklist để không sai sót | Giúp chủ động vào buổi sáng, không mất thời gian chuẩn bị | … | |  | Phụ huynh | Đánh thức HS dậy đúng giờ, hỗ trợ học sinh về việc di chuyển, trừ hao thời gian di chuyển để phòng các sự cố như tắc đường, xe cộ hư hỏng,… | x | Giúp đỡ HS thuận tiện hơn trong việc đi lại, đảm bảo giờ giấc đến lớp | x |   **PHT số 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Nhiệm vụ** | | **Áp dụng trong đề tài của em** | | Mở bài | Giới thiệu vấn đề. | |  | | Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết, khắc phục vấn đề. | |  | | Thân bài | Giải thích vấn đề | |  | | Phân tích vấn đề | Thực trạng |  | | Nguyên nhân |  | | Giải pháo |  | | Nêu giải pháp khắc phục vấn đề | |  | | Kết bài | Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề. | |  | | Rút ra bài học cho bản thân. | |  |   **.** | |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:***

- Nêu được nhận xét về bài viết của HS khác trong lớp.

- Tiếp tục điều chỉnh bài viết của bản thân.

***b. Nội dung:*** Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm.

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và dựa vào bảng kiểm trong SGK để đánh giá, nhận xét bài viết của bạn.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK.  \* *Báo cáo, thảo luận:* Một số HS đọc bài viết trước lớp, các HS khác nhận xét về bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm.  \* *Kết luận, nhận định:*  - GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà. | - GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điều cần chỉnh sửa trong bài viết.  + Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm cần phát huy, những điều cần khắc phục trong bài viết của bản thân và của các bạn hay không?). Trong trường hợp các em chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud) để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân, chuẩn bị trình bày.  \* *Báo cáo, thảo luận:* 1, 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm đã rút ra, các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:GV* tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần nắm. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết để tạo lập VB.

***b. Nội dung:*** Hs chỉnh sửa bài viết.

***c. Sản phẩm:*** Bài viết đã được chỉnh sửa một số phần của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  - Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một vấn đề cần giải quyết khác để viết bài mới và công bố.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới, sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin của lớp học,...  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (ví dụ nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận hoặc các nút cảm xúc,.). | Hs chọn và thực hiện nhiệm vụ.  Nguyễn Nhâm 0981.713.891 |

**IV. PHỤ LỤC**

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu vấn đề cần giải quyết |  |  |
| Nêu tầm quan trọng của vấn đề cần giải quyết. |  |  |
| **Thân bài** | Giải thích vấn đề |  |  |
| Trình bày luận điểm phân tích các khía cạnh của vấn đề |  |  |
| Phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề |  |  |
| Trình bày luận điểm đề xuất các giải pháp |  |  |
| Phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các giải pháp cần thực hiện |  |  |
| Luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề. |  |  |
| Rút ra bài học cho bản thân. |  |  |
| **Diễn đạt** | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu |  |  |
| Mở bài lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| Kết bài ấn tượng |  |  |

Tiết 82

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT**

**VIẾT VĂN BẢN QUẢNG CÁO HOẶC TỜ RƠI VÈ MỘT SẢN PHẨM**

**HAY MỘT HOẠT ĐỘNG**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Viết được VB quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc lập dàn ý và chuẩn bị bài viết ở nhà.

**2. Phẩm chất**

- Trung thực, có trách nhiệm khi tham gia hoạt động quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động.

- Cách thiết kế VB quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV,...

- PHT để hướng dẫn HS tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập.

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Em đã bắt gặp các hình ảnh như thế nào bao giờ chưa? Theo em, mục đích của việc phát hành nó là gì?  In tờ rơi giá rẻ lấy ngay tại Hà Nội - Miễn phí thiết kế & giao hàng Đoàn xiếc biểu diễn tại Hà Tĩnh: Đánh lừa khán giả, lừa cả trẻ con?  Sơn Tùng M-TP và hàng loạt sao hot sắp khuấy động Hà Nội tại sự kiện ra mắt  xe cực hoành tráng  - Cách 2:  + Theo em, để các sản phẩm cũng như hoạt động của các cá nhân, tổ chức có thể tiếp cận được khách hàng hoặc công chúng, người ta hay quảng cáo bằng những cách nào?  + HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng viết và trả lời câu hỏi: Trong bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* | **Cách 1:**  - Mục đích: quảng cáo, giới thiệu về sự kiện, hoạt động,...  **Cách 2:**  - Hình thức quảng cáo  + Quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng  + In trên các pano, áp phích  + Phát tờ rơi  +...  - Nhiệm vụ học tập: Viết VB quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Bước đầu nhận biết khái niệm, đặc điểm, yêu cầu đối với VB quảng cáo về một sản phẩm hay hoạt động.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung *Tri thức về kiểu bài* trong SGK, trả lời cho các câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú, câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Tri thức về kiểu bài* trong SGK, trả lời cho các câu hỏi sau:  - VB quảng cáo là gì? Tờ rơi là gì?  - Kiểu VB quảng cáo có những yêu cầu gì về phương diện nội dung và cách thể hiện?  - Trình bày bố cục của kiểu VB quảng cáo.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, ghi lại các thông tin chính để trả lời các câu hỏi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày phần ghi chú, các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV kết luận, nhận định về tri thức về kiểu bài dựa vào SGK. | **I. Tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  - Văn bản quảng cáo là kiểu văn bản kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhằm thuyết phục người đọc, người xem sử dụng sản phẩm hoặc tham gia hoạt động. Văn bản này tiếp cận người đọc, người xem qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, tạp chí, trang thông tin điện tử,...) và các xuất bản phẩm (sách in, tranh, ảnh, tờ rơi,...).  - Tờ rơi là một dạng của văn bản quảng cáo, có kích thước nhỏ, được in trên một hoặc cả hai mặt của một tờ giấy (thường là khổ giấy A4, A5). Ưu điểm của quảng cáo bằng tờ rơi so với các hình thức quảng cáo khác là chi phí thấp, dễ tiếp cận người đọc, người xem.  **2. Yêu cầu**  - Nội dung: cung cấp thông tin về ưu điểm, giá trị của sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động thông qua kênh chữ, kênh hình.  - Cách thể hiện:  + Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh, biểu tượng, sơ đồ,...) để biểu đạt nội dung quảng cáo.  + Ngôn ngữ ngắn gọn, sử dụng kết hợp các cách thuyết phục người đọc, người xem.  + Sơ đồ, hình ảnh, biểu tượng,.... có đường nét, màu sắc nổi bật, tác động mạnh đến thị giác, thính giác người đọc, người xem nhằm làm rõ tính ưu việt, hữu ích của sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động.  - Bố cục:  + Tiêu đề: giới thiệu khái quát sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động.  + Nội dung chính: cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm/ dịch vụ/ hoạt động bằng kênh chữ, kênh hình; nêu khẩu hiệu của sản phẩm/ dịch vụ hoặc thông điệp của hoạt động. |

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết các yêu cầu về kiểu VB quảng cáo thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo.

***b. Nội dung:*** HS đọc và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Cá nhân HS đọc thầm VB *Tờ rơi quảng cáo một hoạt động,* chú ý đến những khung thông tin tương ứng.  (2) Thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB Câu 1: Tiêu đề của tờ rơi có phù hợp với nội dung của hoạt động hay không?  Câu 2: Văn bản đã sử dụng những cách thể hiện nào để thuyết phục người đọc?  Câu 3: Nhận xét về sự phối hợp của các kiểu chữ, cỡ chữ, màu sắc chữ trong văn bản quảng cáo.  Câu 4: Nhận xét về tác dụng của việc sử dụng kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh minh hoạ trong văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) -> (2).  *\* Báo cáo kết quả:* 1 - 2 nhóm đôi HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét, kết luận về các câu hỏi thảo luận. | **Câu 1:** Tiêu đề của tờ rơi phù hợp với nội dung của hoạt động. Vì tiêu đề là “Học sinh trường Trung học cơ sở Hoà Bình vì đồng bào miền Trung” và nội dung của hoạt động là chương trình quyên góp lương thực, quần áo, đồ dùng học tàp,... giúp đỡ đồng bào miền Trung chịu thiệt hại nặng nề do bão lũ của học sinh trường Trung học cơ sở Hoà Bình.  **Câu 2:** VB đã sử dụng những cách thức sau để thuyết phục người đọc: Sử dụng các từ ngữ có sắc thái tích cực để khẳng định ý nghĩa tốt đẹp của hoạt động *(vì đồng bào miền Trung, giúp đỡ đồng bào miền Trung chịu thiệt hại nặng nề do bão lũ),* khơi gợi cảm xúc tích cực ở người đọc bằng câu tục ngữ “Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, sử dụng phối hợp các cỡ chữ, kiểu chữ, màu sắc đậm, nhạt...; sử dụng các hình ảnh quần áo, lương thực, dụng cụ học tập, biểu tượng trái tim có màu sắc, đường nét nổi bật nhằm tác động mạnh vào thị giác của người đọc để làm rõ tính chất cần thiết và hữu ích của hoạt động.  **Câu 3:** Các kiểu chữ, cỡ chữ, màu sắc chữ trong VB quảng cáo được sử dụng hài hoà, hiệu quả và phù hợp với nội dung. Ví dụ: VB sử dụng kiểu chữ in hoa, cỡ lớn, màu sắc nổi bật cho tiêu đề, nội dung của hoạt động và câu nêu thông điệp của hoạt động; sử dụng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ, chữ màu xanh nhạt để trình bày thông tin về địa điểm, thời gian tổ chức hoạt động.  **Câu 4:** Tác dụng của việc sử dụng kết hợp ngôn ngữ và hình ảnh minh hoạ trong VB: Tăng tính trực quan, tăng cường tính hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động xác định đề tài, mục đích, đối tượng và thông tin cần thu thập**

***a. Mục tiêu:***

- Biết cách xác định đề tài, mục đích, đối tượng và thông tin cần thu thập trước khi thiết kế.

- Xác định được đề tài, mục đích, đối tượng cho tờ rơi sắp thiết kế; thu thập được các thông tin liên quan đến sản phẩm hoặc hoạt động sẽ quảng cáo.

***b. Nội dung:*** HS đọc đề bài trong SGK, mục *Hướng dẫn quy trình viết* trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc đề bài trong SGK; sau đó, trả lời các câu hỏi:  - Em sẽ chọn thiết kế tờ rơi quảng cáo cho sản phẩm hay hoạt động nào? Vì sao?  - Mục đích thiết kế tờ rơi là gì?  - Những đối tượng nào sẽ đọc tờ rơi?  - Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn nội dung tờ rơi và cách thiết kế như thế nào?  - Những thông tin nào về sản phẩm hay hoạt động cần thu thập để phục vụ việc thiết kế tờ rơi?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS tìm câu trả lời.  \* *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, góp ý cho câu trả lời của HS. | Đề bài: [Hãy thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/hay-thiet-ke-to-roi-quang-cao-mot-san-pham-hay-mot-hoat-dong.jsp)  Gợi ý  - Đối tượng thiết kế của tời rơi  + Sản phẩm: sách, văn phòng phẩm, một đặc sản của quê hương,...  + Hoạt động: chiến dịch Hoa phượng đỏ, hoạt động Hiến máu nhân đạo, chương trình quyên góp, ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn,...  - Xác định mục đích của tờ rơi: giới thiệu sản phẩm mới hoặc hoạt động sắp diễn ra, khuyến mãi, tăng nhận thức về thương hiệu,...  - Xác định đối tượng khách hàng hoặc người đọc tờ rơi để lựa chọn nội dung và cách trình bày phù hợp.  - Thu thập các thông tin liên quan về sản phẩm hoặc hoạt động: đặc tính của sản phẩm/ hoạt động, hình ảnh minh hoa sản phẩm/ hoạt động,... |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách tìm ý, lập dàn ý và thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động.

***b. Nội dung:*** Hs hoàn thiện các PHT

***c. Sản phẩm:*** Hệ thống ý, dàn ý, bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết theo **PHT số 1a** và **PHT số 1b**  - Hs phác thảo nội dung quảng cáo và sắp xếp tiêu đề, nội dung...  - Hs tiến hành thiết kế trò chơi  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **a. Tìm ý, lập dàn ý**  **-** PHT số 1 và PHT số 1b  - Phác thảo nội dung quảng cáo (từ ngữ, hình ảnh, tranh vẽ,...).  - Sắp xếp tiêu đề, nội dung quảng cáo, hình ảnh minh họa và thông điệp/ lời kêu gọi hành động theo trình tự phù hợp sao cho tác động mạnh nhất đến người đọc.  **b. Thiết kế tờ rơi**  **-** Sử dụng các phương tiện (giấy, bút, màu,...) hoặc ứng dụng phù hợp như Canva, Adobe Illustrator, Photoshop,... để thiết kế tờ rơi. Chú ý lựa chọn mẫu thiết kế phù hợp với nội dung quảng cáo và dung lượng thông tin của tờ rơi.  - Sử dụng các cỡ chữ, kiểu chữ khác nhau, màu sắc chữ hài hoà.  - Từ ngữ ngắn gọn, không sử dụng nhiều hình ảnh gây rối mắt và phân tán sự chú ý của người đọc; màu sắc, cỡ hình phù hợp.  -Tuỳ thuộc vào nội dung quảng cáo và hình ảnh để bố trí nội dung quảng cáo trên các mặt tờ rơi dạng đơn, gấp đôi hoặc gấp ba (nếu có thể).  -Chọn giấy in có khổ giấy phù hợp, chất lượng cao để đảm bảo hiệu quả quảng cáo của tờ rơi.  **Lưu ý:** Thông tin trong nội dung của tờ rơi cần trung thực và tránh phản cảm. |
| **PHT số 1a: Tìm ý cho tời rơi quảng cáo về sản phẩm**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Sản phẩm muốn quảng cáo là sản phẩm gì? |  | | Sản phẩm có đặc điểm, tính năng nào nổi bật? |  | | Vì sao khách hàng nên mua/ sử dụng sản phẩm đó? |  | | Có thể mua sản phẩm ở đâu? |  | | Giá sản phẩm thế nào? Có chương trình khuyến mãi hoặc giảm giá hay không? |  |   **PHT số 1b: Tìm ý cho tời rơi quảng cáo về hoạt động**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | Hoạt động nào sắp diễn ra? |  | | Vì sao mọi người nên đến dự/ tham gia hoạt động đó? |  | | Ý nghĩa của hoạt động này là gì? |  | | Hoạt động đó diễn ra ở đâu, khi nào? |  | | Cách tham gia hoạt động như thế nào? |  |   **Ví dụ**  Hiến tạng cứu người và những điều cần biết khi đăng ký hiến tạng | |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách xem lại và chỉnh sửa tờ rơi của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

***b. Nội dung:*** Nhóm 2 HS trao đổi sản phẩm tờ rơi của bạn dựa vào bảng kiểm

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá tờ rơi của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS trao đổi tờ rơi, góp ý cho nhau dựa vào *Bảng kiểm kĩ năng thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động* trong SGK.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS trao đổi tờ rơi và nhận xét cho nhau dựa vào bảng kiểm.  \* *Báo cáo, thảo luận:* Một số HS dán tờ rơi trên bảng, sau đó các HS khác chia sẻ nhận xét về tờ rơi của bạn dựa vào bảng kiểm.  \* *Kết luận, nhận định:* GV đánh giá và nhận xét. | GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:  - Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các tờ rơi đã thiết kế của HS.  - Cách nhận xét, đánh giá tờ rơi dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong tờ rơi của bản thân và của các bạn hay không?). Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud) để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động.

***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động.

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra khi thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân, chuẩn bị trình bày.  \* *Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm đã rút ra. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần chú ý khi thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng quy trình thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động để chỉnh sửa tờ rơi đã có hoặc thiết kế tờ rơi mới.

***b. Nội dung:*** Hs chỉnh sửa bài viết.

***c. Sản phẩm:*** Tờ rơi được chỉnh sửa hay tờ rơi được thiết kế mới của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  - Thiết kế lại tờ rơi cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một sản phẩm hay hoạt động khác để thiết kế tờ rơi mới và công bố.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS chỉnh sửa tờ rơi hoặc thiết kế tờ rơi ở nhà, sau đó công bố sản phẩm trên trang web của lớp, trên bảng thông tin lớp học,...  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS giới thiệu tờ rơi đã được chỉnh sửa hoặc thiết kế mới với GV và các bạn trong lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với tờ rơi đã được công bố (ví dụ: Nếu tờ rơi được công bố trên trang web của lớp thì HS có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận hoặc các nút cảm xúc,.). | Hs chọn và thực hiện nhiệm vụ. |

**IV. PHỤ LỤC**

**Bảng kiểm kĩ năng thiết kế tờ rơi quảng cáo một sản phẩm hay một hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Nội dung** | Giới thiệu khái quát về sản phẩm hay hoạt động |  |  |
| Cung cấp thông tin chi tiết về ưu điểm, giá trị của sản phẩm hay hoạt động |  |  |
| Nêu được khẩu hiệu/ thông điệp nhấn mạnh ưu điểm, giá trị của sản phẩm hay tính tích cực, lợi ích của hoạt động |  |  |
| **Hình thức** | Sắp xếp các nội dung ở những vị trí phù hợp |  |  |
| Sử dụng hình ảnh, biểu tượng làm nổi bật ưu điểm và giá trị của sản phẩm hay hoạt động |  |  |
| Kết hợp một số cỡ chữ, kiểu chữ |  |  |
| Sử dụng màu sắc phù hợp, hài hòa để làm nổi bật thông tin. |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ ngắn gọn, sinh động, giàu sức thuyết phục. |  |  |

Tiết 83,84

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.

**2. Phẩm chất**

- Có trách nhiệm, quan tâm đến những vấn đề xã hội và có cách ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK*,* SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Em hãy cho biết mỗi hình ảnh sau gợi đến sự việc nào trong cuộc sống hằng ngày? Em có suy nghĩ gì về những sự việc này?  Vụ bạo hành trẻ em ở Mái ấm Hoa Hồng: Hàng xóm tiết lộ gây sốcVụ đoàn xe đám cưới có "nhóm vệ sĩ” dẹp đường: Diễn biến mới nhất  Những công nhân sáng vào nhà máy, chiều ra kênh dọn rác ở Bình Dương  - Cách 2:  + Em hãy liệt kê một số sự việc có tính thời sự thu hút được sự chú ý của đông đảo mọi người.  + HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt,* đọc lướt phần *Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự* để trả lời câu hỏi: Ở Phần *Nói và nghe,* nhiệm vụ học tập cần thực hiện là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK, tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. HS khác nhận xét, đánh giá.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, kết luận về nhiệm vụ bài nói. | - Cách 1:  **+** Bạo hành trẻ em  + Các vệ sĩ chặn đường người tham gia giao thông để đoàn xe rước dâu chạy qua  + Các tình nguyện viên dọn dẹp rác thải, khơi thông kênh mương ở Thành phố HCM  - Cách 2: Một số sự việc có tính thời sự  + Sự việc đối xử tàn nhẫn với trẻ em ở Mái ấm Hoa Hồng.  + Sự việc các vệ sĩ chặn đường người tham gia giao thông để đoàn xe rước dâu chạy qua.  + Sự việc hiến tạng của một số cá nhân.  + Sự việc các tình nguyện viên dọn dẹp rác thải, khơi thông kênh mương ở Thành phố HCM.  🡪 Những sự việc có tính thời sự. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về cách thức thực hiện và đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về sự việc có tính thời sự, câu hỏi của HS về những kĩ năng mình chưa rõ trong quy trình nói - nghe; phần ghi chép về cách thức đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện nhiệm vụ: Theo em, khi  trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự cần lưu ý những gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tổng kết ý kiến của HS. | **I. Tìm hiểu cách thức thảo luận về một vấn đề có tính thời sự**  - Về nội dung:  + Giới thiệu và nêu tóm tắt được sự việc cần trình bày.  + Trình bày ý kiến về sự việc (đồng tình hay phản đối).  + Nêu được ảnh hưởng của sự việc đối với cuộc sống con người và sự phát triển của xã hội.  + Nêu giải pháp để giải quyết sự việc.  + Nêu bài học rút ra từ sự việc.  + Trả lời được các câu hỏi và ý kiến phản biện.  - Về cách trình bày:  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...), các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, video clip,...) phù hợp. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc đề bài và trả lời các câu hỏi sau:  - Em muốn trình bày ý kiến về vấn đề gì? Trình bày ở đâu, trong thời gian bao lâu?  - Mục đích bài nói của em là gì? Người nghe là ai?  - Em sẽ chọn cách trình bày như thế nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS suy nghĩ, tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác bổ sung, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về tính thời sự, tính vừa sức của đề tài mà HS chọn; sự phù hợp của mục đích, người nghe, bối cảnh thực hiện bài nói. | **Đề bài:** Trong buổi sinh hoạt cuối tuần, giáo viên chủ nhiệm tổ chức buổi toạ đàm **Tuổi trẻ và cuộc sống hôm nay**. Hãy chọn một sự việc có tính thời sự mà em quan tâm, chuẩn bị bài trình bày để tham gia buổi toạ đàm.  Gợi ý:  - Đề tài  + [Sự việc về môi trường.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-moi-truong.jsp)  + [Sự việc về các hiện tượng diễn ra trong học đường.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-ve-cac-hien-tuong-dien-ra-trong-hoc-duong.jsp)  + [Sự việc về văn hóa, xã hội.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-van-hoa-xa-hoi.jsp)  + [Sự việc về lối sống, cách ứng xử.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-loi-song-cach-cu-xu.jsp)  + [Các xu hướng của giới trẻ.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/su-viec-co-tinh-thoi-su-su-viec-ve-cac-xu-huong-gioi-tre.jsp)  - Không gian: Trong lớp học, trước sân trường  - Thời gian: khoảng 5 phút  - Mục đích nói: trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự để tham gia toạ đàm *Tuổi trẻ và cuộc sống hôm nay*  - Người nghe: Thầy cô, bạn bè,... |

**2. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

***b. Nội dung:*** Hs thực hành nói và nghe

***c. Sản phẩm:*** Clip ngắn (khoảng 5 phút) trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS (4 - 6 thành viên) quay một clip trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự để tham gia toạ đàm *Tuổi trẻ và cuộc sống hôm nay* dựa vào các tiêu chí trong bảng kiểm sau:  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS thực hiện clip tại nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Clip được công bố trên trang web học tập của lớp. Các nhóm nhận xét, đánh giá (mục bình luận) dựa trên các tiêu chí trong bảng kiểm.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, đánh giá về nội dung bài nói, cách thức trình bày dựa trên bảng kiểm. | Hs thực hành  - Chào hỏi người nghe, tự giới thiệu về bản thân.  - Trình bày dựa vào dàn ý đã chuẩn bị, giới thiệu ý chính của bài nói để người nghe dễ theo dõi.  - Lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với văn nói.  - Tương tác tích cực với người nghe. |

**3. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Tự đánh giá, đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nói và người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân trong vai trò người nói.

***b. Nội dung:*** Hs trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời và lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, dựa trên gợi ý: Ba điều em thích ở bài nói, hai điều em chưa thích, một bài học kinh nghiệm để làm tốt hơn trong lần sau.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại những kinh nghiệm rút ra, chuẩn bị trình bày trước lớp.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày kinh nghiệm của bản thân. Các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định**.* | - GV nhận xét, kết luận về những bài học mà HS cần lưu ý khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.  - GV nhắc nhở những điều HS cần lưu ý khi thực hiện kĩ năng giao tiếp và hợp tác. |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN ÔN TẬP**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***b. Nội dung:*** HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:*** Phần ghi chú của HS về cách thực hiện phần ôn tập tại nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* GV giao cho HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời các câu hỏi ôn tập ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS sẽ trình bày sản phẩm trong tiết ôn tập tại lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV sẽ nhận xét về sản phẩm của HS trong tiết ôn tập tại lớp. | Hs trả lời câu hỏi |

**IV. PHỤ LỤC**

**BẢNG KIỂM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ**

**CLIP TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung clip | Bài trình bày có đủ các phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc |  |  |
| Mở đầu thu hút |  |  |
| Kết thúc ấn tượng |  |  |
| Chọn được sự việc có tính thời sự để trình bày |  |  |
| Nêu rõ ý kiến đồng tình/ phản đối về sự việc |  |  |
| Đưa ra lí lẽ, bằng chứng phù hợp để làm sáng tỏ ý kiến |  |  |
| Nêu bài học rút ra từ sự việc một cách thuyết phục |  |  |
| Hình thức trình bày | Người trình bày tự tin, cách nói thu hút, lưu loát |  |  |
| Đảm bảo thời gian, không quá 5 phút |  |  |
| Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ |  |  |
| Chất lượng kĩ thuật | Độ phân giải hình ảnh rõ ràng (tối thiểu HD) |  |  |
| Âm thanh clip rõ tiếng, không bị rè |  |  |

Tiết theo PPCT: 85

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**2. Phẩm chất:**

Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

**II. Kiến thức**

Củng cố kiến thức về Đọc – viết – nói – nghe trong chủ điểm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS

***b. Nội dung:*** Hs tham gia trò chơi...

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Theo em, những phẩm chất nào cần có ở một người công dân toàn cầu?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau củng cố kiến thức về **Bài 6: Những vấn đề toàn cầu**. | - Gợi mở: [Công dân toàn cầu](https://thedeweyschools.edu.vn/cong-dan-toan-cau/) hay còn gọi là **Global Citizen**, đó là một cụm từ dùng để chỉ những người sống, họ có thể mang nhiều quốc tịch và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau. Chúng ta phải đáp ứng đầy đủ các phẩm chất của công dân toàn cầu mới có thể hoà nhập với thế giới.  + Tư duy và tầm nhìn: Chúng ta cần phải có tư duy và tầm nhìn xa thì mới có thể thấy được những vấn đề toàn cầu như ô nhiễm môi trường, chiến tranh thương mại, hội nhập quốc tế…  + Hòa nhập nhưng không hòa tan: Mang bản sắc văn hóa riêng của một đất nước, một dân tộc nhưng đồng thời cũng phải giao lưu học hỏi, tiếp cận và tôn trọng những khác biệt văn hoá của các quốc gia, dân tộc, vùng lãnh thổ khác.  + Sống và hành động vì lợi ích chung của toàn cầu: Đây là thời buổi toàn cầu hoá do đó những hành động của chúng ta phải hướng tới lợi ích chung của toàn cầu.  + Khả năng ngôn ngữ: Khác biệt lớn nhất giữa công dân toàn cầu và một công dân bình thường đó là khả năng ngôn ngữ, chúng ta phải hiểu được ngôn ngữ giao tiếp chung như khả năng sử dụng internet, tiếng Anh, phương thức thanh toán để có thể hội nhập. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| Câu 1: Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của các văn bản nghị luận đã học trong bài.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | ***Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*** | ***Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*** | ***Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu*** | | Luận đề |  |  |  | | Luận điểm |  |  |  | | Lí lẽ và bằng chứng |  |  |  |   **Gợi ý**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Đấu tranh cho một thế giới hoà bình** | **Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu** | **Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu** | | Luận đề | Vấn đề chạy đua vũ khí hạt nhân trên toàn cầu | Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu | Sự dung hoà giữa giá trị truyền thống và hội nhập quốc tế đối với mỗi công dân toàn cầu | | Luận điểm | - Luận điểm 1: Thực trạng và các nguy cơ của việc chạy đua vũ trang trong thế giới hiện đại  - Luận điểm 2: Việc chạy đua vũ trang làm cho nhân loại mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn  - Luận điểm 3: Việc chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí của con người và lí trí của tự nhiên  - Luận điểm 4: Lời kêu gọi chấm dứt việc chạy đua vũ trang | - Luận điểm 1: Thực trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề  - Luận điểm 2: Hậu quả của biến đổi khí hậu toàn cầu  - Luận điểm 3: Giải pháp cho vấn đề khủng hoảng biến đổi khí hậu và trách nhiệm của các quốc gia giàu có trong việc giải quyết vấn đề này  - Luận điểm 4: Khẳng định vai trò lãnh đạo của người trẻ và phụ nữ trong việc ứng phó với vấn đề biến đổi khí hậu | - Luận điểm 1: Khi một người tự hào nói rằng “tôi là công dân toàn cầu”, có nghĩa là những việc anh ta đã và đang làm góp phần làm nên một thế giới tốt đẹp hơn  - Luận điểm 2: Đặc trưng của toàn cầu hoá là sự đón nhận và trân trọng đóng góp của tất cả các dân tộc trong bản hoà ca của nhân loại | | Lí lẽ và bằng chứng | HS tự thực hiện | HS tự thực hiện | HS tự thực hiện |   **Câu 2:** Khi đọc văn bản nghị luận, việc liên hệ thông điệp, ý tưởng với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội khi văn bản được viết và khi thực hiện hoạt động đọc có ý nghĩa gì?  Gợi ý: Khi đọc VB nghị luận, việc liên hệ thông điệp, ý tưởng với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội giúp người đọc có căn cứ để hiểu chính xác, sâu sắc hơn nội dung VB; đồng thời, kết nối nội dung VB với trải nghiệm thực tế của bản thân để có những biến chuyển trong nhận thức và hành động.  **Câu 3:** Trình bày kinh nghiệm của em về việc lựa chọn câu đơn/ câu ghép trong khi nói và viết.  Gợi ý: Trong thực tế giao tiếp, tuỳ vào mục đích khác nhau, người nói/ người viết, có thể lựa chọn sử dụng câu đơn/ câu ghép. Chúng ta thường sử dụng câu đơn để biểu thị một phán đoán đơn và sử dụng câu ghép để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  **Câu 4:**Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, cần triển khai phần giải pháp như thế nào cho hợp lí, thuyết phục?  Gợi ý: Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, cần triển khai phần giải pháp như sau:  - Xác định rõ vấn đề cần giải quyết:   - Đề xuất giải pháp: Giải pháp cần cụ thể, rõ ràng, khả thi và phù hợp với thực tế.  - Lập luận và dẫn chứng: Lập luận chặt chẽ, sử dụng dẫn chứng cụ thể để minh họa cho các giải pháp.   - Phân tích ưu và nhược điểm của mỗi giải pháp  - Liên hệ bản thân và xã hội.  **Câu 5:** Theo em, cần lưu ý những điều gì khi thiết kế văn bản quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động?  Gợi ý:  - Sử dụng các cỡ chữ, kiểu chữ khác nhau, màu sắc chữ hài hoà.  - Từ ngữ ngắn gọn, không sử dụng nhiều hình ảnh gây rối mắt và phân tán sự chú ý của người đọc; màu sắc, cỡ hình phù hợp.  - Tuỳ thuộc vào nội dung quảng cáo và hình ảnh để bố trí nội dung quảng cáo trên các mặt tờ rơi dạng đơn, gấp đôi hoặc gấp ba (nếu có thể).  - Chọn giấy in có khổ giấy phù hợp, chất lượng cao để đảm bảo hiệu quả quảng cáo của tờ rơi.  **Câu 6:** Thế nào là một sự việc có tính thời sự? Nêu ngắn gọn ý chính cần có trong bài trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.  Gợi ý:  - Sự việc có tính thời sự: những sự kiện xảy ra trong xã hội, gây được sự quan tâm của nhiều người trong xã hội.  - Trong bài trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, cần nêu ngắn gọn ý chính:  + Đầu tiên, nên xác định rõ quan điểm và ý kiến của mình về sự việc đó.  + Sau đó, có thể trình bày các lý do và bằng chứng để ủng hộ quan điểm của mình.  + Cuối cùng, kết luận lại ý chính và tóm tắt lại các điểm quan trọng trong bài trình bày của mình.  **Câu 7:** [Thiết kế một sản phẩm sáng tạo để gửi đến các bạn thông tin về một vấn đề toàn cầu mà em quan tâm.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/thiet-ke-mot-san-pham-sang-tao-de-gui-den-cac-ban-thong-tin.jsp)  GV lưu ý một số vấn đề sau về sản phẩm sáng tạo:  - Nội dung: Sản phẩm cần thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chính xác thông tin về một vấn đề toàn cầu mà HS quan tâm.  - Hình thức: Sản phẩm cần sáng tạo, mới mẻ, hấp dẫn về hình thức trình bày và phù hợp với nội dung muốn truyền tải đến người đọc/ người xem. | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

***a. Mục tiêu:*** HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Những vấn đề toàn cầu.*

***b. Nội dung:*** Hs trình bày ý kiến về câu hỏi lớn của bài học

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi lớn và chủ điểm bài học.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS thảo luận về các câu hỏi:  1. Sau khi học xong bài này, em có thêm câu trả lời nào mới cho câu hỏi lớn đầu bài học không?  2. Em có thay đổi ý kiến mình đã nêu ra ở đầu bài học để trả lời cho câu hỏi lớn hay không?  3. Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Mỗi HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. |  |

**IV. PHỤ LỤC**